



**BỘ XÂY DỰNG  
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

**THÔNG TIN**

**XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

**5**

**Tháng 3 - 2013**

# **Công đoàn Xây dựng Việt Nam tổ chức Đại hội lần thứ XII và đón nhận Huân chương Độc lập hạng Nhất**

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2013



Đoàn chủ tịch Đại hội



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng trao Huân chương Độc lập hạng Nhất cho Công đoàn XĐVN

# THÔNG TIN XÂY DỰNG CƠ BẢN & KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG  
**MỖI THÁNG 2 KỶ**

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH  
**NĂM THỨ MƯỜI BỐN**

**5**

**SỐ 5 - 3/2013**

## MỤC LỤC

### Văn bản quản lý

#### Văn bản các cơ quan TW

- Quyết định số 410/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ 5  
phê duyệt Quy hoạch chi tiết 1/500 bảo tồn, tôn tạo di  
tích lịch sử Dinh Độc Lập, Hội trường Thống Nhất, thành  
phố Hồ Chí Minh
- Quyết định số 396/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ 6  
phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát  
huy giá trị Khu di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng, tỉnh  
Thanh Hóa

#### Văn bản của địa phương

- Quyết định số 608/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng 8  
Ninh phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng tỉnh  
Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và  
ngoài 2050
- Quyết định số 1360/QĐ-UBND của UBND thành phố 10  
Hà Nội ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục  
tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu  
quả trên địa bàn Thành phố Hà Nội năm 2013
- Quyết định số 913/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà 11  
Nội ban hành “Quy định tạm thời Phương pháp đánh giá,  
chấm điểm các tiêu chí công nhận xã đạt chuẩn nông  
thôn mới thành phố Hà Nội”
- Quyết định số 711/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà 14  
Nội phê duyệt Quy hoạch sử dụng cát, sỏi trên địa bàn  
thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm  
2030



**TRUNG TÂM THÔNG TIN**

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

## **CHIU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH**

**TS. ĐẶNG KIM GIAO**

### **Ban biên tập:**

CN. NGUYỄN THỊ MINH HOA

**(Trưởng ban)**

CN. BẠCH MINH TUẤN **(Phó ban)**

CN. ĐỖ KIM NHẬN

CN. BÙI QUỲNH ANH

CN. TRẦN THU HUYỀN

CN. NGUYỄN BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN LỆ MINH

CN. PHẠM KHÁNH LY

## **Khoa học công nghệ xây dựng**

- Thẩm định “Nhiệm vụ quy hoạch chung thành phố Huế đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050” 17
- Hội thảo “Hợp tác Việt Nam - Đan Mạch trong lĩnh vực xử lý rác thải và năng lượng tái tạo” 18
- Ứng dụng bê tông khí tại Nga 20
- Bê tông cốt thép - vật liệu xây dựng của mọi thời đại 22
- Bàn về chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp hóa nhà ở xã hội 27

## **Thông tin**

- Công đoàn Xây dựng Việt Nam tổ chức Đại hội lần thứ XII và đón nhận Huân chương Độc lập hạng Nhất 33
- Bộ Xây dựng tổ chức Hội nghị góp ý Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 34
- Hội thảo Việt - Nhật lần thứ 4 về xây dựng 35
- Gợi ý về phương pháp xử lý ô nhiễm môi trường của Nhật Bản 38
- Năm vấn đề lớn phải đổi mới trong quản lý tai họa tại thành phố của Trung Quốc 40
- Chính sách kiểm soát thị trường bất động sản của Trung Quốc 42
- Vấn đề quản lý khu vực hóa tại các doanh nghiệp xây dựng Trung Quốc 46

## VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

### **Quyết định số 410/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chi tiết 1/500 bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử Dinh Độc Lập, Hội trường Thống Nhất, thành phố Hồ Chí Minh**

Ngày 07/3/2013, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 410/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch chi tiết 1/500 bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử Dinh Độc Lập, Hội trường Thống Nhất, thành phố Hồ Chí Minh với mục tiêu: Bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử của dân tộc thông qua các di tích hiện còn; tôn tạo kiến trúc cảnh quan, tạo điều kiện thuận lợi khai thác du lịch nhằm góp phần giáo dục truyền thống yêu nước, phổ biến tri thức khoa học, phục vụ nghiên cứu khoa học, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa của nhân dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa - du lịch của thành phố; làm cơ sở pháp lý cho việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý các dự án đầu tư.

Nội dung quy hoạch bao gồm: Các khu chức năng, hạ tầng kỹ thuật, bảo tồn cảnh quan và các thảm thực vật hiện có. Về các khu chức năng, đối với khu bảo tồn (khu vực bảo vệ I), tiến hành các hoạt động tu bổ nhằm giữ gìn những giá trị về kiến trúc, đảm bảo giữ nguyên hình thức kiến trúc gốc, tôn tạo các công trình phụ trợ; tổ chức các hoạt động phục vụ tham quan, tuyên truyền truyền thống lịch sử dân tộc... Đối với khu vực tổ chức các hoạt động phát huy giá trị di tích (khu vực bảo vệ II), xây dựng cơ sở hạ tầng văn hóa, cảnh quan đảm bảo không làm ảnh hưởng đến di tích gốc, hạn chế xây dựng công trình cao tầng xung quanh khu vực bảo vệ I, các công trình xây dựng mới chủ yếu trên nền các công trình cũ theo hình thức kiến trúc mái dốc, lợp ngói, phù hợp với điều kiện khí hậu nhiệt đới, đồng thời hài hòa

với các công trình kiến trúc sẵn có. Để đảm bảo bảo tồn cảnh quan di tích, các khu vực xung quanh di tích được quy định cụ thể như sau: Trong bán kính từ 300 m đến 500 m (tính từ Dinh thự chính), chiều cao các công trình giảm dần về phía Dinh, hạn chế xây dựng các cao ốc hiện đại; trong bán kính từ 200 m đến 300 m (tính từ Dinh thự chính), giữ nguyên trạng, không tăng chiều cao các công trình đang cao hơn Dinh thự chính (26 m), các công trình xây dựng mới có hình thức kiến trúc, màu sắc phù hợp với không gian di tích.

Về hạ tầng kỹ thuật, giao thông trong khu vực Dinh Độc Lập chủ yếu là giao thông đi bộ, hệ thống đường được thiết kế theo nguyên tắc: Đối với khu vực bảo vệ I, giữ lại hệ thống đường giao thông chính trải nhựa, bổ sung 1 đường dạo ở khu vực nhà bát giác bằng cách xếp đặt đá xen lẫn với cỏ một cách tự nhiên; đối với khu vực bảo vệ II, giữ lại hệ thống đường giao thông chính trải nhựa, bổ sung 1 sân lát đá màu ghi, kích thước viên đá 0,4 m x 0,4 m phía trước Trung tâm văn hóa. Đối với hệ thống cấp nước sinh hoạt, nước được cấp từ hệ thống cấp nước chung của thành phố, đối với hệ thống cấp nước tưới cây, rửa đường, nước được bơm từ giếng khoan vào bể chứa, thông qua hệ thống van và đường ống cấp đến các họng tưới cây, bổ sung 1 giếng khoan và 1 bể chứa. Về thoát nước thải và vệ sinh môi trường, đối với khu vực bảo vệ I, thay thế một số nắp cống đã bị hỏng, xây dựng hệ thống thu nước mưa dọc theo trục đường Huyền Trân Công Chúa kết nối vào hệ



thống thoát nước thành phố theo hai hướng, xây dựng các bể tự hoại 3 ngăn để xử lý cục bộ tại các công trình, trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của thành phố, xây dựng hệ thống thoát nước thải cho các công trình mới xây dựng để xử lý sơ bộ trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của thành phố, bổ sung thùng rác tại các vị trí tập trung đông người. Về cấp điện và thông tin liên lạc, hệ thống cấp điện là hệ thống chạy ngầm đảm bảo mỹ quan cho khu vực di tích, sử dụng đèn cao áp để chiếu sáng bảo vệ kết hợp đèn pha và đèn chiếu sáng trang trí.

Về bảo tồn cảnh quan và các thảm thực vật hiện có, đối với khu vực bảo vệ I, giải pháp chủ đạo là bảo vệ cây cổ thụ khỏi sâu bệnh, chăm sóc nhằm tăng tuổi thọ cho cây, có thể trồng

cây thay thế các cây già yếu để bảo tồn cảnh quan di tích, loại bỏ cây mới trồng kém phát triển và không phù hợp với di tích; đối với khu vực bảo vệ II, giải pháp chủ đạo là trồng và chăm sóc những cây có giá trị cảnh quan, loại bỏ và thay thế các cây không phù hợp.

Quy hoạch gồm các dự án thành phần: Nhóm dự án bảo tồn khu vực bảo vệ I (nhóm dự án A) thực hiện trong giai đoạn 1 (từ năm 2013 đến năm 2015), và nhóm dự án tôn tạo khu vực bảo vệ II (nhóm dự án B) thực hiện trong giai đoạn 2 (từ năm 2015 đến 2017).

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại [www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))

## **Quyết định số 396/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa**

Ngày 05/3/2013, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 396/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa với mục tiêu: Làm rõ và tích hợp 3 giá trị văn hóa Đông Sơn, lịch sử văn hóa các công trình tôn giáo tín ngưỡng, dân gian và lịch sử cách mạng trong không gian danh thắng Hàm Rồng; bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa Hàm Rồng thông qua các di tích hiện hữu, tránh tình trạng lấn chiếm, xuống cấp của di tích, phục hồi di tích đã mất trên cơ sở khoa học và tạo các sản phẩm đa dạng, phong phú phục vụ du lịch, nâng cấp hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội và cải thiện môi trường dân sinh, phát triển thành phố Thanh Hóa trở thành đô thị loại I vào năm 2015; làm cơ sở pháp lý cho việc cấm mốc giới bảo vệ di tích và thu hồi đất cho khu vực quy

hoạch, bảo tồn, quản lý, lập, thẩm định và phê duyệt các dự án đầu tư tu bổ, tôn tạo, phát huy giá trị di tích, định hướng kiến trúc cảnh quan khu vực bao quanh có khả năng ảnh hưởng xấu đến di tích.

Về bố cục không gian, gồm 2 trung tâm là trung tâm hành lễ và trung tâm dịch vụ du lịch. Tuyến đường chính của khu vực quy hoạch chạy từ đường cao tốc Bắc Nam qua khu đô thị Đông Cương, nối trung tâm lễ hội với trung tâm hành lễ ra đường 1A. Về chức năng, khu vực I là khu vực bảo tồn di tích tương ứng với khu vực bảo vệ I của các di tích. Việc bảo tồn, tôn tạo có phương án cho từng di tích dựa trên các tài liệu lịch sử, kết quả của báo cáo khảo cổ và quá trình điền dã. Khu vực II là khu vực bảo vệ cảnh quan di tích tương ứng với khu vực bảo vệ II của các di tích. Đây là vùng đệm để bảo vệ cảnh quan di tích trước hoạt động xây dựng của

khu vực dân cư xung quanh. Trong khu vực này có thể xây dựng một số công trình có quy mô nhỏ như biển di tích, chỉ dẫn đường đi, giới thiệu về di tích một cách đồng bộ. Làng truyền thống Đông Sơn được cải tạo, chỉnh trang với hệ thống đường dạng xương cá, lát gạch chỉ xếp nghiêng, nhà được cải tạo theo kiến trúc truyền thống, xây cổng làng với cây đa, rặng tre... Cải tạo cánh đồng làng với quán nghỉ, cây đa... trên nguyên tắc tái hiện giá trị gốc của nền văn minh lúa nước nhằm tạo ra không gian làng gắn với đồng ruộng truyền thống.

Đối với Khu thiên viện Trúc Lâm - Hàm Rồng, xây dựng thành 3 khu vực gồm khu thuyết pháp, khu vực nhà tăng, nhà khách ở phía dưới chân núi và khu điện chính - là nơi thực hành vẫn giữ nguyên vị trí trên núi Hàm Rồng. Khu công viên sinh thái Cánh Tiên, dỡ bỏ tháp truyền hình, bố trí lầu vọng cảnh tại vị trí có điểm nhìn đẹp, vườn thực vật, khu cắm trại cho thanh thiếu niên...

Về giao thông, tôn trọng các trục giao thông đô thị chính đã được định rõ trong Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Thanh Hóa đã được phê duyệt. Giao thông trong phạm vi quy hoạch được thiết kế dựa trên địa hình và hệ thống giao thông hiện có. Về chất liệu, để đáp ứng được yêu cầu tạo không gian - cảnh quan truyền thống, giao thông gồm loại mặt đường nhựa, vỉa hè lát đá Thanh Hóa, mặt được lát đá Thanh Hóa, mặt đường bê tông giả đất và mặt đường lát gạch chỉ nghiêng. Giao thông trong khu vực được thiết kế để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, sản xuất của người dân và nhu cầu tham quan, du lịch. Trục đường chính (nối từ đường Đình Hương tới hồ Kim Quy) đóng vai trò như một quảng trường Lễ hội với chiều dài khoảng 800 m được trang trí cây, hoa... Đường nối các điểm thăm quan, đường dạo trong các khu công viên có mặt cắt từ 1,5 - 3,5 m được lát bằng đá tự nhiên, hoặc các tấm đá lớn có kích thước khác nhau xếp tạo thành đường đi. Bãi đỗ xe tập trung là bãi đỗ xe lớn nhất dành cho toàn

bộ khu vực nằm trên đường Đình Hương, cạnh cổng chính, từ đây du khách đi tham quan bằng xe chạy điện.

Về cấp nước, nước sinh hoạt được dùng trong khu là nước nhà máy được cấp từ nhà máy nước Hàm Rồng bằng hệ thống đường ống phân phối. Về thoát nước thải và vệ sinh môi trường, hệ thống thoát nước mưa trong khu vực quy hoạch được thiết kế bao gồm hệ thống sông, hồ, mương và cống. Các tuyến cống nước thải có kích thước D500-D300, chảy qua trạm xử lý nước thải, rồi mới chảy ra hồ và sông. Để đảm bảo vệ sinh môi trường, bố trí các thùng rác ở các khu vực tập trung đông người, được thu gom và đưa về bãi rác chung của thành phố. Về cấp điện và thông tin liên lạc, gồm có 4 trạm biến áp 100 KV cung cấp điện cho toàn bộ khu vực quy hoạch tổng thể. Ngoài ra sử dụng đèn trang trí bằng năng lượng mặt trời, góp phần tiết kiệm điện năng và bảo vệ môi trường. Về cảnh quan, hệ thống cảnh quan cây xanh và thảm thực vật giữ vai trò hết sức quan trọng. Hình thức bố trí cây xanh tạo cảnh quan không gian đóng mở mang đến những loại hình cảnh quan đặc trưng cho hệ thực vật ở vùng đất xứ Thanh.

Theo Quyết định này, các nhóm dự án thành phần bao gồm nhóm dự án đền bù, giải phóng mặt bằng tái định cư và cắm mốc giới bảo vệ di tích, sưu tầm bổ sung tư liệu và hiện vật; nhóm dự án khai quật khảo cổ bổ sung (thời gian thực hiện: từ năm 2013 đến năm 2025); nhóm dự án bảo tồn, tôn tạo di tích; nhóm dự án các công trình hỗ trợ phát huy giá trị di tích và nhóm dự án nâng cao năng lực bảo vệ di tích và phục vụ du lịch (thời gian thực hiện: từ năm 2013 đến năm 2020).

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**(Xem toàn văn tại [www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))**

**VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG****Quyết định số 608/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và ngoài 2050**

Ngày 27/02/2013, UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định số 608/QĐ-UBND phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và ngoài 2050 với quan điểm: Triển khai, cụ thể hóa Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Quảng Ninh giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (đang hoàn thiện) và Đề án phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh tỉnh Quảng Ninh và thí điểm xây dựng hai đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Vân Đồn, Móng Cái (đang hoàn thiện); đặt Quảng Ninh trong sự phát triển liên kết vùng ở cấp quốc gia và kết nối khu vực ở cấp quốc tế; thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế, trên cơ sở khai thác tối đa các tiềm năng và lợi thế của Tỉnh, là cơ sở cho việc đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng phát triển kinh tế xanh, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; từng bước xây dựng hệ thống đô thị Quảng Ninh trở thành một vùng đô thị hiện đại, sinh thái, có bước phát triển đột phá và bền vững trên nền tảng kinh tế trí thức, có khả năng cạnh tranh cao, có cơ sở hạ tầng đồng bộ, khai thác hiệu quả tài nguyên đất đai - địa hình - cảnh quan, có môi trường sống tiện nghi, đáp ứng định hướng phát triển không gian kinh tế, đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng cao của nhân dân.

Mục tiêu của Quy hoạch là cụ thể hóa Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Quảng Ninh giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn

đến năm 2030; nghiên cứu quy hoạch vùng tỉnh Quảng Ninh theo hướng kế thừa Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn tỉnh Quảng Ninh phê duyệt tại Quyết định số 2253/QĐ-UBND ngày 14/7/2003; xây dựng hệ thống đô thị Quảng Ninh, trong đó thành phố Hạ Long làm đầu tàu sẽ trở thành đô thị loại I trước năm 2014, tỉnh Quảng Ninh cơ bản là tỉnh công nghiệp hiện đại năm 2015, là tỉnh Dịch vụ - Công nghiệp hiện đại vào năm 2020, là một trong những đầu tàu kinh tế của miền Bắc, là trung tâm du lịch Quốc tế, là một trong ba cực tăng trưởng của vùng đồng bằng sông Hồng và trở thành một "trung tâm kinh tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, du lịch, đầu mối giao thông, giao lưu trong nước và quốc tế có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ", góp phần đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh, cả tỉnh có tốc độ phát triển cao so với các thành phố trong nước, ngang tầm với những thành phố phát triển khác trong khu vực Đông Nam Á vào những năm 2030; mở rộng và phát triển hệ thống đô thị Quảng Ninh theo hướng "một tâm, hai tuyến đa chiều và hai điểm đột phá" nhằm giảm thiểu tình trạng quá tải tại các đô thị dọc Quốc lộ 18A, đặc biệt là 4 đô thị lớn Hạ Long, Móng Cái, Cẩm Phả, Uông Bí; khai thác có hiệu quả mối quan hệ nội ngoại vùng, các thế mạnh về nông lâm nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, kinh tế cửa khẩu, năng lượng, khoáng sản, du lịch, văn hóa, sinh thái và cảnh quan nhằm tạo lập môi trường sống tốt, đáp ứng các nhu cầu vật chất, tinh thần của nhân dân, đảm bảo phát triển hài hòa và bền vững



giữa đô thị và nông thôn; xây dựng một nền kiến trúc mang đặc trưng riêng với truyền thống văn hóa Quảng Ninh, đồng thời phù hợp với kiến trúc tổng thể Vùng Bắc Bộ và các đô thị lớn trong vùng; xây dựng tỉnh Quảng Ninh hướng tới mục tiêu văn hiến, văn minh, hiện đại, sinh thái gắn với không gian truyền thống tâm linh, đô thị Quảng Ninh trở thành một trung tâm Chính trị - Hành chính, Kinh tế, Văn hóa, Khoa học kỹ thuật, Giáo dục - Đào tạo, Du lịch, Dịch vụ, đầu mối giao thông, giao lưu trong nước và quốc tế; là cơ sở để quản lý, kiểm soát phát triển không gian đô thị, các khu dân cư nông thôn, các khu công nghiệp, khu du lịch và hệ thống các công trình chuyên ngành trên địa bàn toàn tỉnh.

Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Ninh bao gồm: đánh giá tổng quan thực trạng và nguồn lực phát triển của vùng nghiên cứu, các yêu cầu về cơ sở để dự báo quy mô phát triển vùng, các yêu cầu về nội dung nghiên cứu trong quy hoạch xây dựng vùng. Tỉnh Quảng Ninh xác định bước phát triển đột phá là chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ dựa chủ yếu vào yếu tố phát triển chưa bền vững (tài nguyên hữu hạn than, đất) sang phát triển bền vững (dựa vào vị trí địa chiến lược, tri thức, khoa học công nghệ, cảnh quan, văn hóa, truyền thống, con người...), từ phát triển theo chiều rộng (vốn, lao động, tài nguyên thiên nhiên) sang phát triển theo chiều sâu (kinh tế xanh - trung tâm là Di sản - Kỳ quan thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long).

Đối với các yêu cầu về cơ sở để dự báo quy mô phát triển vùng, cần phân tích đánh giá các điều kiện tự nhiên về khí hậu, thủy văn; đánh giá hiện trạng kinh tế - xã hội dựa trên những số liệu và chỉ tiêu kế hoạch tối thiểu 3 năm trước thời gian lập quy hoạch về dân số, đất đai, tổng thu nhập quốc dân, bình quân thu nhập đầu người/năm, mức độ tăng trưởng kinh tế trung bình năm, cơ cấu kinh tế, các cơ sở kinh tế chủ yếu phát triển vùng (công nghiệp, nông nghiệp,

xây dựng cơ bản, giao thông, dịch vụ, du lịch, thương mại, khoa học công nghệ, đào tạo...), những chương trình, dự án đầu tư trong vùng; phân tích hiện trạng ít nhất là của 3 năm gần nhất về dân số, lao động, nghề nghiệp, di dân, dân tộc, truyền thống văn hóa; phân tích tình hình phát triển đô thị, điểm dân cư nông thôn; lập bản đồ đánh giá đất đai và các phạm vi ranh giới các vùng cảnh quan, môi trường, tổng hợp bảng biểu, các số liệu tổng hợp sử dụng đất đai trên toàn tỉnh đến năm 2011; đánh giá tổng quát các công trình hạ tầng xã hội, nhà ở, công trình phục vụ công cộng quy mô lớn, có ý nghĩa vùng về y tế, dịch vụ, thương mại, giáo dục đào tạo, văn hóa xã hội, thể dục thể thao; đánh giá tổng quát về các công trình hạ tầng sản xuất, các nhà máy, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; đánh giá tổng quát về tình hình phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị và điểm dân cư đô thị và nông thôn; mô tả tổng quát và đánh giá hiện trạng môi trường tự nhiên (nước, không khí, đất, hệ sinh thái...) và môi trường xã hội; rà soát các đồ án quy hoạch và các dự án tại vùng hiện có; lập bản đồ đánh giá tổng hợp đất xây dựng và xác định các khả năng dung nạp dân số theo các khu vực lãnh thổ.

Đối với các yêu cầu về nội dung nghiên cứu trong quy hoạch xây dựng vùng, cần xác định tầm nhìn và các mục tiêu phát triển vùng; dự báo phát triển vùng về kinh tế, dân số, cơ cấu đất đai, quá trình đô thị hóa; đề xuất phân vùng phát triển đô thị, nông thôn, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch - dịch vụ, bảo tồn cảnh quan, bảo tồn di sản...; định hướng phát triển không gian; định hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật vùng; đánh giá môi trường chiến lược.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**(Xem toàn văn tại [www.quangninh.gov.vn](http://www.quangninh.gov.vn))**

## **Quyết định số 1360/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2013**

Ngày 20/02/2013, UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 1360/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2013 với mục tiêu: Triển khai đồng bộ các hoạt động của Chương trình, tạo bước chuyển biến đột phá trong việc nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng cuối cùng, tập trung vào các lĩnh vực sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng sử dụng nhiều năng lượng, giao thông vận tải, hoạt động dịch vụ, hộ gia đình, phổ biến phương tiện, thiết bị hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng; thúc đẩy hoạt động tiết kiệm năng lượng trên địa bàn thành phố Hà Nội nhằm đạt được mục tiêu tổng mức tiết kiệm năng lượng từ 2-3% tính chung trên địa bàn Thành phố, đảm bảo an ninh năng lượng, bảo vệ môi trường, thực hiện phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Kế hoạch này đề ra 4 giải pháp thực hiện Chương trình. Cụ thể, giải pháp thứ nhất là tăng cường giáo dục, tuyên truyền phổ biến thông tin, vận động cộng đồng, nâng cao nhận thức, thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bảo vệ môi trường. Theo đó, cần tuyên truyền, nâng cao nhận thức về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho cộng đồng bằng cách hướng dẫn các cơ sở tiêu thụ năng lượng trọng điểm đánh giá tình hình sử dụng năng lượng theo quy định của Bộ Công thương; tuyên truyền trên báo, đài và các phương tiện thông tin đại chúng nhằm cung cấp thông tin về giải pháp, công nghệ tiên tiến sử dụng tiết kiệm năng lượng, tiêu chuẩn Hệ thống quản lý năng lượng ISO 50001:2012, sản phẩm dán nhãn tiết kiệm năng lượng, năng lượng tái tạo; tập huấn

về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, trang thiết bị hiệu suất cao, nâng cao năng lực quản lý kỹ thuật, tuyên truyền về tiết kiệm điện trong hệ thống phân phối điện lực, đào tạo cấp chứng chỉ cho cán bộ quản lý năng lượng trong các cơ sở tiêu thụ năng lượng trọng điểm; tổ chức hội chợ triển lãm quốc tế ENTECH HANOI, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng hồ sơ dự thi các cuộc thi do Bộ Công thương tổ chức. Cần đưa chương trình giáo dục về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả vào hệ thống giáo dục trên địa bàn, tổ chức lồng ghép các nội dung giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả vào các tiết học chính, các hoạt động ngoại khóa. Tiếp tục thực hiện các chương trình quảng bá đèn tiết kiệm năng lượng, đèn chiếu sáng sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo, thiết bị đun nước nóng bằng năng lượng mặt trời, sử dụng biomass/biogás, các sản phẩm tiết kiệm năng lượng; phát triển các mô hình thí điểm quy mô hộ gia đình sử dụng năng lượng tái tạo (như mặt trời, khí sinh học...), phổ biến triển khai nhân rộng các mô hình; tổ chức phong trào hộ gia đình sử dụng tiết kiệm điện, tiết kiệm năng lượng tập trung trong việc thực hành các kỹ năng lựa chọn và sử dụng các trang thiết bị gia dụng tiết kiệm điện, các sản phẩm dán nhãn năng lượng trong sinh hoạt, triển khai chiến dịch Giờ trái đất thành phố Hà Nội năm 2013.

Giải pháp thứ hai là phát triển, phổ biến các trang thiết bị hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng, từng bước loại bỏ các trang thiết bị hiệu suất thấp thông qua hỗ trợ kiểm toán năng lượng, xây dựng mô hình quản lý năng lượng, suất tiêu hao năng lượng tại các cơ sở sử dụng

năng lượng; vận hành, khai thác hợp lý công suất tổ máy bơm trong các trạm bơm cấp, thoát nước của hệ thống thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Giải pháp thứ ba là sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong các tòa nhà và chiếu sáng đô thị, cụ thể là tăng cường áp dụng Quy chuẩn tiết kiệm năng lượng trong quá trình xây dựng mới và cải tạo lại đối với tòa nhà có quy mô lớn; triển khai áp dụng các giải pháp, công nghệ, thiết bị, vật liệu tiết kiệm năng lượng, tổ chức các cuộc thi tòa nhà xanh, tiết kiệm năng lượng; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong chiếu sáng đô thị bằng cách xây dựng kế hoạch, biện pháp và áp dụng các giải pháp quản lý, tiêu chuẩn kỹ thuật trong hệ thống chiếu sáng đô thị nhằm tiết kiệm điện, thực hiện lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng và hệ thống tử điều khiển chiếu sáng tiết kiệm điện, xây dựng các mô hình thí điểm về chiếu sáng công cộng hiệu suất cao, chiếu sáng tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng mặt ngoài các công trình kiến trúc có mặt tiền đẹp tại các tuyến phố trung tâm.

Giải pháp thứ tư là thúc đẩy tiết kiệm năng lượng trong ngành giao thông vận tải, cụ thể là

tiết kiệm năng lượng trong quy hoạch, xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông vận tải, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong tổ chức, khai thác hệ thống giao thông vận tải (hướng dẫn thực hiện các biện pháp tiết kiệm năng lượng trong công tác lập dự án và thi công công trình theo quy hoạch của Ngành giao thông vận tải, xây dựng cầu vượt tại các nút giao thông trọng điểm của Thành phố; xây dựng và tổ chức phân luồng giao thông nhằm hạn chế ùn tắc giao thông, tiết kiệm năng lượng, rà soát lịch trình xe buýt, tổ chức lại các tuyến xe cho hợp lý, khoa học nhằm phục vụ tốt nhu cầu đi lại, tiết kiệm chi phí vận hành; xây dựng và thực hiện đẩy mạnh công tác quản lý, tổ chức công tác bảo dưỡng sửa chữa duy trì tình trạng kỹ thuật phương tiện, thiết bị nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng phương tiện, thiết bị giao thông vận tải); ứng dụng công nghệ mới, năng lượng tái tạo trong giao thông vận tải; xây dựng suất tiêu hao nhiên liệu đối với một số loại phương tiện vận tải công cộng.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại [www.hanoi.gov.vn](http://www.hanoi.gov.vn))

## **Quyết định số 913/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội ban hành “Quy định tạm thời Phương pháp đánh giá, chấm điểm các tiêu chí công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới thành phố Hà Nội”**

Ngày 07/02/2013, UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 913/QĐ-UBND ban hành "Quy định tạm thời Phương pháp đánh giá, chấm điểm các tiêu chí công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới thành phố Hà Nội" với mục đích cụ thể hóa phương pháp, cách tính chấm điểm cho từng tiêu chí xây dựng nông thôn mới để làm căn cứ công nhận hoàn thành công tác xây dựng nông thôn mới của các xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Theo Quy định này, việc công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới căn cứ trên 19 tiêu chí về quy hoạch, hạ tầng kinh tế - xã hội, kinh tế và tổ chức sản xuất, văn hóa - xã hội - môi trường, hệ thống chính trị. Cụ thể, về quy hoạch và thực hiện quy hoạch, có quy hoạch xã nông thôn mới được cấp thẩm quyền phê duyệt: 8 điểm, chưa phê duyệt: 0 điểm. Quy hoạch nông thôn mới bao gồm quy hoạch định hướng phát triển không gian, quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng

thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường theo chuẩn mới, quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, bảo tồn được bản sắc văn hóa tốt đẹp.

Về hạ tầng kinh tế - xã hội, cách tính điểm tiêu chí giao thông như sau: tỉ lệ km đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT đạt 100%: 3 điểm, chưa đạt: 0 điểm. Tỉ lệ km đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT đạt 100%: 2 điểm, chưa đạt: 0 điểm. Tỉ lệ km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa đạt 100%: 2 điểm, chưa đạt: 0 điểm. Tỉ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện đạt 100%: 3 điểm, chưa đạt: 0 điểm. Căn cứ các nội dung trên, Ban chỉ đạo cấp xã đánh giá, chấm điểm tiêu chí này hàng năm. Cách tính điểm tiêu chí thủy lợi: Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh (đáp ứng yêu cầu tưới tiêu chủ động cho diện tích gieo trồng lúa, diện tích rau màu, cây công nghiệp và nuôi trồng thủy sản, cấp nước sinh hoạt, thoát nước theo quy hoạch được duyệt; các công trình thủy lợi phải có phân cấp quản lý cụ thể cho từng công trình, có sự tham gia của người dân trong quản lý, vận hành và khai thác công trình thủy lợi, công trình được duy tu, sửa chữa thường xuyên hàng năm, chống xuống cấp, đảm bảo vận hành an toàn, hiệu quả, không để xảy ra ô nhiễm nguồn nước): 2 điểm, đảm bảo chưa tốt: 0 điểm. Tỉ lệ km kênh mương do xã quản lý được kiên cố hóa đạt 85% trở lên: 2 điểm, chưa đạt: 0 điểm. Ban chỉ đạo cấp huyện (Phòng Kinh tế) đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh của hệ thống thủy lợi và tỉ lệ km trên mương do xã quản lý được kiên cố hóa hàng năm trên địa bàn từng xã. Cách tính điểm tiêu chí điện: Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của

ngành điện: 2 điểm, không đạt: 0 điểm; tỉ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt từ 99% trở lên: 1 điểm, dưới 99%, không đạt: 0 điểm. Hàng năm có đánh giá công nhận hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện và tỉ lệ hộ sử dụng điện an toàn từ các nguồn theo từng khu vực (xã hoặc cụm xã) theo phân cấp, phân công quản lý của ngành điện. Cách tính điểm tiêu chí trường học: Có 100% điểm trường Mầm non, Mẫu giáo, Tiểu học, Trung học cơ sở được công nhận đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất được 4 điểm; trường Mầm non, Mẫu giáo được công nhận đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất được 2 điểm; trường Tiểu học được công nhận đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất được 1 điểm; trường Trung học cơ sở được công nhận đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất được 1 điểm; các trường Mầm non, Mẫu giáo, Tiểu học, Trung học cơ sở chưa được công nhận đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất được 0 điểm. Ban chỉ đạo cấp xã phối hợp Phòng Giáo dục - Đào tạo các huyện, thị xã đánh giá tỉ lệ trường đạt chuẩn quốc gia các cấp Mầm non, Mẫu giáo, Tiểu học, Trung học cơ sở hàng năm để làm cơ sở đánh giá chấm điểm tiêu chí xã nông thôn mới. Cách tính điểm tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa: có nhà văn hóa và khu thể thao xã được xây dựng theo chuẩn quy định và hoạt động tốt được 2 điểm, chưa đạt: 0 điểm. Tỉ lệ thôn có nhà văn hóa và khu thể thao thôn đạt quy định của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch, đáp ứng yêu cầu sinh hoạt văn hóa, thể thao của người dân được 2 điểm, chưa đạt được 0 điểm. Ban chỉ đạo cấp xã đánh giá về cơ sở vật chất văn hóa, thể thao, tổ chức quản lý và hoạt động văn hóa thể thao hàng năm. Cách tính điểm tiêu chí chợ theo quy hoạch, đạt chuẩn theo quy định, đối với các xã có chợ theo quy hoạch mạng lưới chợ nông thôn được UBND Thành phố phê duyệt, được xây dựng đạt chuẩn theo quy định: 2 điểm, chưa đạt: 0 điểm. Đối với các xã không có chợ theo quy hoạch mạng lưới chợ nông

thôn nhưng có các điểm họp chợ có đủ các công trình: diện tích kinh doanh ngoài trời, đường đi, bãi đỗ xe, nơi thu gom rác: 2 điểm (chỉ áp dụng đối với các xã không có chợ theo quy hoạch), chưa đạt: 0 điểm. Chợ đạt chuẩn của Bộ Xây dựng chỉ áp dụng với các chợ xây dựng trên địa bàn xã theo quy hoạch mạng lưới chợ nông thôn được UBND Thành phố phê duyệt theo hướng dẫn của Bộ Công thương. Ban chỉ đạo cấp xã căn cứ các nội dung trên đánh giá chấm điểm tiêu chí hàng năm. Cách tính điểm tiêu chí bưu điện: Có điểm phục vụ bưu chính viễn thông được 1 điểm, chưa đạt: 0 điểm; có Internet đến tất cả các thôn trên địa bàn (đạt 100%) được 2 điểm, chưa đạt: 0 điểm. Cách tính điểm tiêu chí nhà ở dân cư: Không có nhà xuống cấp nghiêm trọng được 3 điểm, trường hợp còn nhà xuống cấp nghiêm trọng: 0 điểm; tỉ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn của Bộ Xây dựng từ 90% trở lên được 3 điểm, đạt từ 80 đến 90% được 2 điểm, dưới 80% không có điểm. Ban chỉ đạo cấp xã thống kê, đánh giá tình trạng nhà ở dân cư hàng năm.

Về kinh tế và tổ chức sản xuất, cách đánh giá tiêu chí thu nhập: có mức thu nhập bình quân đầu người/năm lớn hơn hoặc bằng 24 triệu đồng được 5 điểm, từ 22 triệu đồng đến dưới 24 triệu đồng được 2 điểm, dưới 22 triệu đồng không có điểm. Ban chỉ đạo cấp xã điều tra theo mẫu điều tra thu nhập hộ gia đình của Tổng cục Thống kê khi xét thấy xã có khả năng đạt tiêu chí xã nông thôn mới. Trong báo cáo hàng năm gửi về Ban chỉ đạo cấp huyện, Ban chỉ đạo cấp xã có thể ước thu nhập bình quân/người/năm của xã. Thu nhập bình quân của năm trước năm xem xét công nhận tiêu chí xã nông thôn mới làm cơ sở để đánh giá, chấm điểm tiêu chí này. Cách tính điểm tiêu chí tỉ lệ hộ nghèo: xã có tỉ lệ hộ nghèo bằng hoặc dưới 3% được 4 điểm, từ trên 3% đến 5% được 2 điểm, xã có tỉ lệ hộ nghèo còn trên 5% không có điểm. Ban chỉ đạo cấp xã đánh giá tiêu chí trên cơ sở kết quả rà soát hộ nghèo hàng năm.

Cách tính điểm tiêu chí tỉ lệ lao động có việc làm: xã có tỉ lệ lao động trong độ tuổi lao động có việc làm thường xuyên lớn hơn hoặc bằng 90% được 4 điểm, từ 80% đến dưới 90% được 1 điểm, dưới 80% không được điểm. Ban chỉ đạo cấp xã thống kê số lao động có việc làm thường xuyên hàng năm trên cơ sở Sổ ghi chép cung cầu lao động. Cách tính điểm tiêu chí hình thức tổ chức sản xuất: Trên địa bàn xã có tổ hợp tác hoặc hợp tác xã được thành lập theo các quy định của pháp luật và hoạt động có hiệu quả được 4 điểm, không đạt: 0 điểm.

Về văn hóa - xã hội - môi trường, cách tính điểm tiêu chí giáo dục: Đạt phổ cập giáo dục trung học cơ sở (đạt cả 2 tiêu chuẩn) được 2 điểm, không đạt: 0 điểm; tỉ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) đạt 2 điểm, dưới 90% không đạt: 0 điểm; xã có tỉ lệ lao động đã qua đào tạo lớn hơn 40% (trên tổng số lao động trong độ tuổi) đạt 5 điểm, từ trên 35% đến 40% đạt 3 điểm, từ trên 30% đến 35% đạt 2 điểm, từ trên 25% đến 30% đạt 1 điểm, dưới 25% không có điểm. Cách tính điểm tiêu chí y tế: có lớn hơn hoặc bằng 70% người dân tham gia Bảo hiểm y tế đạt 3 điểm, từ 60% đến dưới 70% đạt 2 điểm, dưới 60% đạt 0 điểm. Cách tính điểm y tế đạt chuẩn quốc gia: Y tế xã được công nhận đạt chuẩn quốc gia mới (theo Quyết định số 3447/QĐ-BYT ngày 22/9/2011) được 3 điểm, đạt theo chuẩn cũ (theo Quyết định 370/QĐ-BYT ngày 07/02/2002) được 2 điểm, không đạt: 0 điểm. Hàng năm Ban chỉ đạo cấp xã phối hợp với Trung tâm y tế huyện đánh giá chấm điểm y tế xã theo bảng điểm chuẩn quốc gia về y tế xã. Sở Y tế thẩm định và trình UBND Thành phố công nhận đạt chuẩn quốc gia y tế xã. Cách tính điểm tiêu chí văn hóa: Xã có từ 70% số thôn, làng, cụm dân cư trở lên đạt tiêu chuẩn làng văn hóa theo quy định của Bộ VH-TT-DL đạt 5 điểm, không đạt: 0 điểm. Cách tính điểm tiêu chí môi trường, có tỉ lệ hộ dân sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn quốc gia đạt



từ 90% trở lên được 2 điểm, dưới 90% hộ dân sử dụng nước sạch theo quy chuẩn quốc gia, không đạt: 0 điểm; có từ 80% các cơ sở sản xuất, kinh doanh trở lên trên địa bàn đạt đủ các tiêu chuẩn quy định về môi trường được 2 điểm, dưới 80% các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn đạt đủ các tiêu chuẩn quy định về môi trường: 0 điểm; hàng năm có phát động và thực hiện các hoạt động cải thiện môi trường xanh, sạch, đẹp được 2 điểm, nếu có 1 trường hợp, cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường: 0 điểm; có nghĩa trang nhân dân xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt được 2 điểm, không có: 0 điểm; chất thải, nước thải được thu gom và xử lý đúng quy định được 2 điểm, không đạt: 0 điểm.

Về hệ thống chính trị, cách tính điểm hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh: 100% cán bộ xã đạt chuẩn theo quy định được 1

điểm, nếu có một trường hợp không đúng chuẩn trừ 0,5 điểm, có từ 2 trường hợp không đúng chuẩn trở lên: 0 điểm; có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định được 0,5 điểm, không đạt: 0 điểm; Đảng bộ xã đạt "Trong sạch, vững mạnh" được 3 điểm, không đạt: 0 điểm, chính quyền xã đạt "Trong sạch, vững mạnh" được 2 điểm, không đạt: 0 điểm, 100% các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội đều đạt loại khá trở lên theo chấm điểm của từng đoàn thể được 0,5 điểm, có 1 đoàn thể không đạt: 0 điểm. Cách tính điểm tiêu chí an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, ổn định: an ninh, trật tự xã hội được giữ vững: 2 điểm, chưa đạt: 0 điểm.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại [www.hanoi.gov.vn](http://www.hanoi.gov.vn))

## **Quyết định số 711/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt Quy hoạch sử dụng cát, sỏi trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030**

Ngày 01/02/2013, UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 711/QĐ-UBND phê duyệt Quy hoạch sử dụng cát, sỏi trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 với quan điểm phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của Thành phố đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; sử dụng tài nguyên hợp lý, hiệu quả với trình độ công nghệ và phương tiện cung ứng tiên tiến, hiện đại, đảm bảo sử dụng tối đa tài nguyên và giảm thiểu các tác động xấu đến môi

trường.

Mục tiêu chung của Quy hoạch là sử dụng cát, sỏi xây dựng nhằm thực hiện chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành khai thác cát, sỏi xây dựng, san lấp, nhằm bảo vệ môi trường và hoạt động bền vững của các cơ sở sản xuất; đáp ứng nhu cầu sử dụng cát, sỏi xây dựng cho các nhu cầu hiện tại và trong tương lai; chấn chỉnh lại trật tự trong việc khai thác, tận thu, tiết kiệm tài nguyên và đáp ứng nhu cầu của thị trường, cung cấp có kế hoạch cát, sỏi cho các hộ tiêu thụ và định hướng phát triển các cơ sở hạ tầng. Cụ thể, đảm bảo nhu cầu về khối lượng, chủng loại cát, sỏi xây dựng qua các thời kỳ (cát xây và san lấp năm 2020 là 12.300.000 m<sup>3</sup>, năm 2030 là 16.000.000 m<sup>3</sup>; cát vàng năm 2020 là 15.232.000 m<sup>3</sup>, năm

2030 là 21.700.000 m<sup>3</sup>; cuội sỏi năm 2020 là 30.460.000 m<sup>3</sup>, năm 2030 là 43.394.000 m<sup>3</sup>); quy hoạch thăm dò, khai thác cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại 44 điểm mỏ (cuội sỏi: gồm 2 mỏ thuộc xã Vân Hòa và xã Thái Hòa, huyện Ba Vì với tổng trữ lượng khoảng 1,31 triệu m<sup>3</sup>; cát xây dựng, san lấp gồm tuyến sông Đà có 3 bãi cát với tổng trữ lượng khoảng 15,91 triệu m<sup>3</sup> phân bố trên địa bàn huyện Ba Vì, tuyến sông Hồng có 25 bãi cát với tổng trữ lượng khoảng 146,7 triệu m<sup>3</sup> phân bố trên địa bàn 11 quận, tuyến sông Công có 5 bãi cát với tổng trữ lượng khoảng 14,7 triệu m<sup>3</sup> phân bố trên địa bàn huyện Sóc Sơn, tuyến sông Cà Lồ có 3 bãi cát với tổng trữ lượng khoảng 6,09 triệu m<sup>3</sup> phân bố trên địa bàn huyện Sóc Sơn, tuyến sông Đuống có 6 bãi cát với tổng trữ lượng khoảng 2,51 triệu m<sup>3</sup> phân bố trên địa bàn huyện Đông Anh và Gia Lâm); bố trí 91 bãi chứa trung chuyển với diện tích khoảng 338,510 ha.

Quyết định này nêu rõ các giải pháp để thực hiện quy hoạch, cụ thể: Đẩy mạnh các hoạt động khảo sát, điều tra cơ bản; tổ chức đấu thầu khai thác khoáng sản cát, sỏi xây dựng; tăng cường giám sát hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản; giải pháp về cơ chế, chính sách; tăng cường công tác bảo vệ môi trường, đảm bảo phát triển bền vững; quản lý, giám sát thực hiện quy hoạch. Đối với giải pháp đẩy mạnh các hoạt động khảo sát, điều tra cơ bản, cần thường xuyên bổ sung và cập nhật số liệu thực tế về vị trí, trữ lượng, chất lượng các loại khoáng sản, ưu tiên dành nguồn lực cho công tác điều tra cơ bản về địa chất và hoạt động thăm dò khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng và san lấp; hoàn thành công tác khảo sát, tìm kiếm, thăm dò chi tiết khoáng sản cát, sỏi xây dựng trên địa bàn Hà Nội trước năm 2020. Đối với giải pháp tổ chức đấu thầu khai thác khoáng sản cát, sỏi xây dựng, cần tiến hành tổ chức đấu thầu để lựa chọn các nhà thầu có đủ năng lực tài chính, trình độ công nghệ, trình độ

quản lý tham gia đấu thầu rộng rãi, công khai; tổ chức sắp xếp lại các cơ sở khai thác khoáng sản, ưu tiên các doanh nghiệp khai thác gắn liền với chế biến sâu, các doanh nghiệp có vốn đầu tư lớn; tổ chức tốt việc quản lý hoạt động triển khai công nghệ, chuyển giao công nghệ, ưu tiên và xây dựng tiêu chí nhằm khuyến khích những dự án có công nghệ sạch, hiện đại.

Để tăng cường giám sát hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản, cần nâng cao chất lượng quản lý, giám sát thực hiện quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản cát, sỏi xây dựng tại địa bàn Hà Nội; tăng cường giáo dục và nâng cao ý thức của người dân trong bảo vệ nguồn tài nguyên khoáng sản cát, sỏi xây dựng, quan tâm đến quyền lợi của nhân dân sống trong vùng khoáng sản, kiên quyết xử lý những tổ chức và cá nhân sai phạm; sắp xếp lại bộ máy quản lý Nhà nước trong lĩnh vực khai thác khoáng sản, tăng cường đào tạo cán bộ chuyên môn sâu ngành khai khoáng.

Về cơ chế chính sách, cần có chính sách hỗ trợ, ưu tiên, khuyến khích các doanh nghiệp khai thác áp dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch và kỹ thuật hiện đại như hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng, hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường; tập trung thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước có năng lực tài chính đầu tư vào lĩnh vực khai thác khoáng sản, xây dựng chính sách cho người dân ở khu vực có khoáng sản cát, sỏi xây dựng để họ tham gia quản lý và bảo vệ khoáng sản.

Để tăng cường công tác bảo vệ môi trường, đảm bảo phát triển bền vững, cần xây dựng quy chế, nội quy bảo vệ môi trường đối với riêng lĩnh vực khai thác khoáng sản, nêu rõ quy định trách nhiệm của các bên tham gia tác động đến môi trường, củng cố tổ chức hệ thống các cơ quan quản lý về môi trường, các cơ quan tư vấn, kiểm tra, giám sát, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục tới mọi người dân, mọi doanh nghiệp, có biện pháp ngăn ngừa, khắc

phục hậu quả của tác động môi trường, đồng thời định kỳ quan trắc, phân tích, đánh giá những nguồn gây ô nhiễm chính trong khu vực khai thác khoáng sản.

Trên cơ sở quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản cát, sỏi xây dựng đã được phê duyệt, các quận, huyện, thị xã cần quản lý quỹ đất để phục vụ cho công tác thăm dò, khai thác khoáng sản, đảm bảo không ảnh hưởng đến

thủy văn dòng chảy, an toàn đê điều, chất lượng nước của các dòng sông có khai thác; công bố công khai cho nhân dân và các doanh nghiệp biết, nâng cao chất lượng về quản lý, giám sát thực hiện quy hoạch.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**(Xem toàn văn tại [www.hanoi.gov.vn](http://www.hanoi.gov.vn))**

## **Thẩm định “Nhiệm vụ quy hoạch chung thành phố Huế đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050”**

Ngày 28/2/2013 tại Bộ Xây dựng, cuộc họp thẩm định nhiệm vụ Quy hoạch chung thành phố Huế đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 đã diễn ra dưới sự chủ trì của Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn. Tham dự buổi họp về phía địa phương có đồng chí Nguyễn Văn Cao - Phó Bí thư thường trực tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế; các đồng chí lãnh đạo Sở Xây dựng tỉnh. Cuộc họp còn có sự tham gia của đại diện các Bộ, Ngành liên quan và lãnh đạo một số Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng.

Trình bày lý do và sự cần thiết điều chỉnh quy hoạch, đại diện Sở Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế nêu rõ: Thực hiện Quyết định số 605/TTg ngày 20/12/1993 về Quy hoạch tổng thể xây dựng thành phố Huế, và Quyết định số 166/1999/QĐ-TTg ngày 10/8/1999 về Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Huế đến năm 2020, Bộ Chính trị, Chính phủ và UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã có các chủ trương, định hướng phát triển và xây dựng cố đô Huế “trở thành một thành phố mang đặc tính dân tộc, hiện đại, đậm đà bản sắc và truyền thống, trở thành một trung tâm văn hóa - du lịch của cả nước, trung tâm giáo dục đào tạo và y tế chuyên sâu của khu vực kinh tế trọng điểm của miền Trung; đồng thời là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật của toàn tỉnh”. Đặc biệt, Kết luận số 48-KL/TW ngày 25/5/2009 của Bộ Chính trị về Xây dựng phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế và đô thị Huế đến năm 2020 đã xác định “xây dựng tỉnh sớm trở thành thành phố trực thuộc TW trong vài năm tới”; và Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 3/2/2012 của UBND tỉnh xác định việc điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Thừa Thiên Huế sẽ tuân theo mô hình “tập hợp đô thị di sản, văn hóa và cảnh quan. Mô hình này được cấu thành bởi đô thị hạt nhân Huế và các đô thị văn hóa, sinh thái cảnh quan thân thiện với môi trường được phát triển bền vững



*Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn chủ trì cuộc họp thẩm định*

trong mối quan hệ gắn kết đô thị - nông thôn - thiên nhiên”. Với các định hướng nêu trên, đồng thời để đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của thành phố Huế, xây dựng Huế trở thành một trong 06 đô thị trung tâm quốc gia, nâng cao vị thế một đô thị di sản đặc sắc, một thành phố festival; việc tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Huế được coi là nhiệm vụ cấp bách. Bên cạnh đó, nhiệm vụ quy hoạch còn làm cơ sở để triển khai các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư nhằm hình thành đô thị trung tâm (mở rộng từ thành phố Huế hiện hữu và khu vực định hướng phát triển, mở rộng đô thị thuộc phạm vi 03 đơn vị hành chính là thị xã Hương Thủy, thị xã Hương Trà và huyện Phú Vang).

Trên quan điểm điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Huế cần phù hợp với định hướng Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam và Quy hoạch xây dựng vùng kinh tế trọng điểm miền Trung; gắn việc xây dựng phát triển Huế với bảo tồn các giá trị văn hóa lịch sử của đất Cố đô; hỗ trợ và thúc đẩy phát triển các đô thị xung quanh nhằm phát huy tiềm năng và khắc phục hạn chế trong việc sử dụng các nguồn lực cho đầu tư phát triển, tạo sức lan tỏa cho việc phát triển đô thị toàn tỉnh; đồ án quy hoạch đã thể hiện tâm huyết của Chính quyền và nhân dân toàn tỉnh Thừa Thiên Huế nói

chung, và thành phố Huế nói riêng, với những phần đánh giá phân tích hiện trạng rất khách quan, cũng như đề xuất, lên kế hoạch rất khoa học cho các vấn đề bảo tồn, phát triển hệ thống không gian xanh, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật... của thành phố. Đồ án đặc biệt nhấn mạnh chức năng du lịch của Huế bằng cách sử dụng môi trường sinh thái và biển - gồm đầm phá Tam Giang và biển Thuận An, các tuyến đường thủy dọc sông Hương kết nối phía Nam khu lăng tẩm hoàng gia, phát triển nền tảng du lịch mới gắn kết với các di sản văn hóa, cảnh quan thiên nhiên và làng nghề truyền thống.

Góp ý cho đồ án quy hoạch, ngoài những ý kiến về cơ sở pháp lý của đồ án; mức chỉ tiêu đối với từng phân khu khác nhau; một số vấn đề liên quan tới hạ tầng kỹ thuật và giao thông đô thị..., đại diện các Bộ, Ngành TW đều chung một quan điểm: thành phố Huế rất cần chú trọng công tác bảo tồn (vì đây là đô thị di sản đã được UNESCO công nhận; là đô thị mang những đặc trưng văn hóa có một không hai của cả nước). Bên cạnh đó, đồ án cũng cần thể hiện rõ nét định hướng: trong tương lai thành phố Huế cần có sự liên kết với Đà Nẵng, tạo động lực phát triển kinh tế - xã

hội cho 05 tỉnh miền Trung. Đó là một bước đi quan trọng trong chiến lược về lâu dài, thực hiện lộ trình từng bước đưa tỉnh Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc TW.

Kết luận cuộc họp, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn nhất trí với tính cấp thiết của việc lập nhiệm vụ quy hoạch. Thứ trưởng đề nghị cơ quan chủ quản (UBND thành phố Huế) lưu ý đơn vị tư vấn (liên danh tư vấn Dohwa - Hana của Hàn Quốc) chỉnh sửa thêm một số nội dung trong đồ án (quan điểm, mục tiêu, tầm nhìn, tính chất đô thị...); bổ sung công tác dự báo tương lai phát triển thành phố Huế; xem xét chỉnh sửa một số chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cho phù hợp tình hình phát triển thực tế. Thứ trưởng cũng lưu ý UBND tỉnh và thành phố chú trọng hơn khả năng khai thác dịch vụ du lịch, các vấn đề liên quan tới hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị; đề nghị đơn vị tư vấn làm mô hình sa bàn khu vực trung tâm với tỷ lệ 1:5000 hoặc 1:7500; đồng thời giao UBND tỉnh xúc tiến việc hoàn chỉnh đồ án, gửi Bộ xem xét lần cuối trong tuần đầu tháng 3/2013, trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Lệ Minh

## Hội thảo “Hợp tác Việt Nam - Đan Mạch trong lĩnh vực xử lý rác thải và năng lượng tái tạo”

Ngày 7/3/2013 tại Hà Nội, Đại sứ quán Đan Mạch đã tổ chức Hội thảo “Hợp tác Việt Nam - Đan Mạch trong lĩnh vực xử lý rác thải và năng lượng tái tạo”. Hội thảo có sự tham gia của bà Pia Olsen Dyhr - Bộ trưởng Thương mại & Đầu tư Đan Mạch; đại diện Đại sứ quán Đan Mạch tại Việt Nam; đại diện các công ty, các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực xử lý và tái chế rác thải của Việt Nam và Đan Mạch

Tới dự và phát biểu chào mừng Hội thảo, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Cao Lại Quang nêu rõ: Quan hệ ngoại giao tốt đẹp Việt Nam - Đan Mạch hơn 40 năm qua đã được đánh dấu bằng sự hợp tác toàn diện trong các lĩnh vực kinh tế

xã hội, y tế, giáo dục và môi trường. Đặc biệt, nhiều dự án cấp thoát nước, vệ sinh môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và xây dựng công trình... được triển khai bằng nguồn vốn ODA của Đan Mạch đã góp phần cải thiện và phát triển môi trường bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân tại các khu vực đô thị và nông thôn Việt Nam, hỗ trợ Việt Nam giảm thiểu phát thải khí nhà kính, sử dụng hiệu quả năng lượng.

Thứ trưởng cho biết: Cũng như tại các nước đang phát triển, xử lý chất thải rắn và sử dụng có hiệu quả năng lượng tái tạo hiện nay là những thách thức to lớn mà Việt Nam đang nỗ





Thủ tướng Cao Lại Quang phát biểu tại Hội thảo

lực giải quyết, với sự hỗ trợ tích cực của các tổ chức quốc tế, các nước và đặc biệt là Đan Mạch - một trong những quốc gia hàng đầu trên thế giới trong lĩnh vực này.

Thay mặt Lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thủ tướng đánh giá cao sáng kiến tổ chức Hội thảo của Đại sứ quán Đan Mạch; đồng thời bày tỏ mong muốn: Hội thảo sẽ là dịp để các doanh nghiệp Đan Mạch tìm hiểu nhu cầu, cơ hội hợp tác, đầu tư trong lĩnh vực xử lý rác thải, tái tạo năng lượng của Việt Nam; qua đó từng bước cụ thể hóa mối quan hệ đối tác chiến lược trong ứng phó biến đổi khí hậu, môi trường; năng lượng và năng lượng xanh mà Chính phủ hai nước đã thiết lập nhân kỷ niệm 40 năm quan hệ ngoại giao (tháng 11/2011).

Phát biểu tại Hội thảo, bà Pia Olsen Dyhr bày tỏ sự vui mừng trước những đổi thay to lớn về kinh tế và xã hội của Việt Nam trong vài thập kỷ gần đây. Tuy nhiên - bà chia sẻ - Tốc độ tăng trưởng nhanh chóng của nền kinh tế và sự đô thị hóa dồn dập đã mang đến sức ép cho môi trường. Điều này cũng gây ra vấn đề rác thải và xử lý rác - một trong những vấn đề môi trường lớn nhất ở Việt Nam. Rác thải được coi là mối quan tâm lớn nhất vì nó liên quan đến sức khỏe con người và đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

Theo bà Pia Olsen Dyhr, xu hướng hiện nay là nhìn nhận rác thải như một nguồn tài nguyên chứ không phải là một vấn đề nan giải, nhất là

trong bối cảnh nguồn tài nguyên thiên nhiên trên toàn thế giới đang cạn kiệt dần. Do vậy, rác thải không nên bị nhìn nhận như phế thải của nền sản xuất và tiêu dùng toàn cầu, mà đây chính là một nguồn tài nguyên giá trị.

Bà Pia Olsen Dyhr hy vọng sự chuyển giao công nghệ quản lý rác thải cho Việt Nam cùng với Chiến lược Tăng trưởng của Chính phủ Đan Mạch đối với Việt Nam sẽ giúp tăng cường sự phát triển của công nghệ và kiến thức Xanh tại Việt Nam. Sự phát triển này sẽ không chỉ giúp giải quyết vấn đề rác thải hiện thời ở Việt Nam, mà còn giúp chúng ta đối diện với vấn đề cạn kiệt tài nguyên trên hành tinh, qua đó đem lại sự tăng trưởng bền vững ở cả hai quốc gia Đan Mạch và Việt Nam.

Đại diện các công ty Đan Mạch trong lĩnh vực liên quan tham gia Hội thảo đã hoàn toàn nhất trí với quan điểm tích cực mà bà Bộ trưởng Thương mại & Đầu tư nêu lên. Tham luận do các đại biểu Đan Mạch trình bày đều tập trung xoay quanh chủ đề chính của Hội thảo - các công nghệ và kinh nghiệm xử lý rác thải, tái tạo năng lượng của Đan Mạch. Trong hơn 100 năm qua, Đan Mạch đã phát triển những kiến thức và kỹ năng toàn diện trong vấn đề hạn chế, thu gom, chọn lọc và xử lý rác. Việc quản lý rác thải ở Đan Mạch trong ba thập kỷ qua đã được tiến hành theo hai phương cách chính, thứ nhất là tăng cường sự tham gia của cộng đồng quốc tế, thứ hai là phát triển dần dần để hướng tới những quy định chặt chẽ và toàn diện về xử lý rác. Hai phương cách này đã giúp cho Đan Mạch trở thành một trong những quốc gia đầu tiên trên thế giới đạt được tỉ lệ tái chế rác thải cao và giảm thiểu lượng chất thải bị chuyển tới các bãi rác. Quá trình chuyển đổi từ rác thải thành tài nguyên đòi hỏi những nỗ lực chung và sự chia sẻ trách nhiệm từ cá nhân cho tới tập thể. Khi coi rác như một nguồn tài nguyên có thể cung cấp nguyên liệu thô cho sản xuất, dinh dưỡng cho nông nghiệp, đồng thời là một nguồn năng lượng - các đại biểu cùng chia sẻ và thảo luận

trong Hội thảo - chúng ta phải rất chú trọng đến vấn đề này. Quá trình chuyển đổi hoàn toàn không đơn giản. Việc đảm bảo quản lý rác thải ở một mức độ hợp lý được đưa vào chương trình nghị sự về chính trị của Đan Mạch đã giúp cho ngành quản lý rác thải tư nhân ở Đan Mạch trở thành môi trường cho những công ty Đan Mạch vươn lên hàng đầu thế giới trong lĩnh vực này.

Tại Hội thảo, đại diện Công ty Komtek Denmark trình bày tóm tắt nội dung mục đích, cũng như chia sẻ kinh nghiệm thực hiện dự án “Từ chất thải đến năng lượng”. Đại diện Công ty CP môi trường Urenco Sơn Tây - đơn vị đối tác của công ty Komtek và là đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quản lý xử lý rác thải của thị xã Sơn Tây và các huyện thị phía Tây thành phố Hà Nội cũng có bài tham luận về hiện trạng thu gom rác thải và xử lý rác thải tại Việt Nam. Tham luận nêu rõ: các hộ gia đình Việt Nam thải ra khoảng 50.000 tấn rác mỗi ngày, con số này sẽ tăng gấp đôi vào năm 2020. Đa số rác

thải được đưa đến các bãi rác và do đó, không được tái chế hiệu quả. Đồng thời, ngành sản xuất kinh doanh ở Việt Nam thải ra hàng ngàn tấn chất thải rắn cần phải được xử lý một cách phù hợp. Vào năm 2010, chỉ riêng ngành nông nghiệp đã thải ra 75 ngàn tấn rác, phần lớn bị đốt bỏ, nhưng trên thực tế, rác nông nghiệp có thể được tái sử dụng để trở thành nhiên liệu sinh học. Chính phủ Việt Nam đã xây dựng một khung chính sách vững chắc trong đó ưu tiên những sự đầu tư đảm bảo cung cấp nước sạch và quản lý rác thải. Mục tiêu này không chỉ nhằm để xử lý rác thải theo tiêu chuẩn quốc tế mà còn để tái sử dụng rác đã qua xử lý cho những mục đích khác.

Thông qua Hội thảo, nhiều công nghệ và sản phẩm của các công ty Đan Mạch trong lĩnh vực liên quan đã được giới thiệu, trao đổi với các doanh nghiệp Việt Nam.

**Lệ Minh**

### Ứng dụng bê tông khí tại Nga

Mới đây, Thủ tướng nước Cộng hòa Liên bang Nga D.Medvedev trong chuyến thị sát vùng Perm và nhà máy Sibur Khimprom - cơ sở đứng thứ hai toàn Nga về sản lượng bê tông khí đã phát biểu: Đây là loại sản phẩm rất được quan tâm trên thị trường xây dựng quốc tế, trong đó có LB Nga. Ông D.Medvedev nhấn mạnh, sắp tới Chính phủ LB Nga sẽ tổ chức một hội thảo chuyên đề về các vật liệu xây dựng hiện đại, trong đó có bê tông khí, vì hiệu quả năng lượng tuyệt vời, đặc tính tiêu hao nhiệt thấp và nhiều ưu điểm vượt trội khác của loại vật liệu này.

Hiện nay bê tông khí được sử dụng rộng rãi trên khắp thế giới với mục đích tạo tính năng sử dụng năng lượng hiệu quả cho các tòa nhà. Trong xây dựng hiện đại, chất liệu cơ bản giữ nhiệt cho tường của các tòa nhà là bê tông khí có thành phần phụ gia chống cháy (chiếm tới

35 - 40% thị trường vật liệu cách nhiệt của các nước châu Âu).

Trong vòng 50 năm trở lại đây, bê tông khí đã được sử dụng rộng rãi tại Đức, Áo, Ba Lan, Ý trong hệ thống kết cấu cách nhiệt cho tường có vữa trát bên ngoài, và điều này cho phép giảm đáng kể năng lượng bị tiêu hao để sưởi ấm trong các toà nhà. Tại nhiều thành phố của Đức, việc cải tạo các công trình xây dựng cũ đã diễn ra mạnh mẽ: các tấm giữ nhiệt cũ có độ dày 5 - 7 cm được gỡ bỏ, thay vào đó là bê tông khí với bề dày 15 - 20 cm.

Từ năm 2007, ngay tại quốc gia có khí hậu tương đối ấm áp là Thổ Nhĩ Kỳ, các ngôi nhà và căn hộ không sử dụng vật liệu giữ nhiệt đã rất khó bán. Tại tất cả các nước miền Nam châu Âu, “con số” các công trình nhà ở được xây từ bê tông khí với tính năng cách nhiệt đã bùng nổ, khi chi phí năng lượng cho hệ thống điều hòa

không khí và sưởi tăng cao, và tất nhiên cao hơn so với chi phí để thiết kế tính tăng cách nhiệt cho các căn nhà. Lấy một vài số liệu để chứng minh: gạch bê tông khí chiều dày 12 cm có khả năng thay thế lớp bông khoáng dày 18 cm, lớp gỗ dày 45 cm; 2,1m gạch nung; 4,2 m bê tông cốt thép nếu so về tính chất giữ nhiệt.

Ngày nay, tại các nước EU, nơi đề ra những tiêu chuẩn phòng cháy chữa cháy và tiêu chuẩn về môi trường sinh thái khá nghiêm ngặt, nhu cầu tiêu thụ hàng năm đối với bê tông khí bình quân khoảng 5kg/người, và việc tiêu thụ như vậy giúp tiết kiệm tới 60 - 70% lượng nhiệt năng tiêu thụ.

Tại Nga, nhu cầu sử dụng vật liệu cách nhiệt từ bê tông khí vẫn dừng ở mức 1kg/người. Theo dự báo của các nhà phân tích, khối lượng bê tông khí được tiêu thụ tại Nga trong năm 2012 sẽ đạt 140 nghìn tấn, chiếm xấp xỉ 17% thị phần vật liệu cách nhiệt trên thị trường vật liệu xây dựng của Nga.

Giữa Nga và châu Âu cho tới nay vẫn tồn tại khoảng cách lớn trong việc sử dụng bê tông khí, điều này xuất phát từ sự tụt hậu nói chung của Nga so với các nước châu Âu và châu Mỹ trong việc sử dụng vật liệu cách nhiệt. Một nguyên nhân khác cũng ảnh hưởng tới thị trường này của Nga là thiếu sự tính toán các đặc điểm xâm nhập của bê tông khí vào Nga. Nhu cầu của Nga đối với loại vật liệu này trong những năm gần đây không ổn định, do trên thị trường, bên cạnh những sản phẩm chất lượng tốt còn có các loại sản phẩm kém chất lượng - thậm chí cả các phế phẩm - không đáp ứng được các yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn cháy cũng như tuổi thọ được quy định trong các tiêu chuẩn quốc tế. Cho đến thời điểm cách đây không lâu, Nga đã nhập khẩu tới 80% nguyên liệu từ Hàn Quốc, Trung Quốc và một số nước châu Á khác để sản xuất các sản phẩm bê tông khí; và chất lượng các sản phẩm với nguyên liệu nhập ngoại này được kỳ vọng sẽ tốt hơn.

Thông thường, hạt polistiro (bên trong các

hạt có khí pentan  $C_5H_{12}$  và izopentan) được sử dụng làm nguyên liệu để sản xuất bê tông bọt khí. Các hạt dưới tác động của hơi nước được nung lên, mềm ra và nhờ có pentan bắt đầu quá trình gia tăng kích cỡ lên nhiều lần (quá trình trước sưởi bọt). Sau một khoảng thời gian được "ủ kỹ", chúng liên kết lại thành hình khối, được ninh kết với nhau, để sản phẩm cuối cùng thu nhận được là một khối lớn có kích thước 1 m x 1 m x 4- 6 m. Sau đó, khối bê tông được cắt ra thành từng viên với kích cỡ cần thiết, tùy theo yêu cầu cụ thể của phía đặt hàng.

70% gạch bê tông khí được sử dụng phục vụ nhu cầu cách nhiệt cho tường bao của các tòa nhà. Các viên gạch bê tông được gắn chặt vào các tường ngoài bằng keo dính đặc biệt và bằng các chốt, phía trên được bit chặt bằng lưới thép và lớp vữa trát.

Việc kiểm soát các vật liệu hiện đang có mặt trên thị trường xây dựng Nga còn nhiều kẽ hở, đặc biệt trong khu vực xây dựng tư nhân. Nếu có thể bớt xén vật liệu và giấu dưới lớp vữa trát để không ai phát hiện ra trong vòng vài năm, thì giá thành cho việc giữ nhiệt cho tường ngoài một tòa nhà dường như rẻ hơn, tuy đó là việc sưởi ấm không hiệu quả, và không hề chất lượng. Trong những trường hợp như vậy, gạch bê tông khí trở thành cứu cánh. Hiện nay, các thiết bị gia công hạt polistiro đang sưởi cho phép nung sưởi bán thành phẩm nhiều lần, do vậy độ đặc chắc đạt cực thấp. Một số nhà sản xuất gạch bê tông khí vì lợi ích cá nhân đã áp dụng biện pháp này để làm ra sản phẩm với hình thức tương đương không có gì khác biệt với những viên gạch khác. Bê tông khí đảm bảo chất lượng để giữ nhiệt cho tường của các tòa nhà cần có tỷ trọng riêng tối thiểu 12kg/m<sup>2</sup>; còn để giữ nhiệt cho các chân móng cần có tỷ trọng riêng tối thiểu 25kg/m<sup>2</sup>.

Cuối năm 2010, Tập đoàn Sibur đã xây tại Perm một dây chuyền sản xuất hạt polistiro theo công nghệ Áo - Na Uy với công suất 50 nghìn tấn/năm. Cuối năm 2012, công suất tăng

lên gấp đôi do nhà máy được đầu tư thêm một dây chuyền sản xuất nữa. Tháng 5/2012, tại phòng thí nghiệm thuộc Viện Nghiên cứu khoa học TW về các kết cấu xây dựng mang tên V.Kucherenko, các thử nghiệm cháy với một mẫu tường được cách nhiệt bên ngoài với lớp trát mỏng và tấm cách nhiệt bằng bê tông khí đã được tiến hành. Kết quả: Hệ thống mặt cách nhiệt bên ngoài đã được công nhận cấp độ nguy cơ cháy K0 (không để ngọn lửa lan đi).

Theo ông S.Golunov, cộng tác viên khoa học trường Đại học Xây dựng Moskva, bê tông khí là một trong những vật liệu tiết kiệm năng lượng nhất. Nó nhẹ, hiệu quả cao, không đắt và hoàn toàn thuận tiện cho việc thi công. Vấn đề chính yếu là làm thế nào để bảo đảm chất lượng của các kết cấu và các hệ thống có sử dụng loại bê tông này trong thành phần. Một viên gạch bê tông được đánh giá là chất lượng nếu không bị phân hóa ngay cả khi nhiệt độ lên tới 120 - 140°C, được cấu tạo từ các hạt có kích cỡ đồng đều vì sự nứt vỡ gạch thường xảy ra ở giữa hạt. Còn theo ông I.Savkin, Chủ tịch Hiệp hội các nhà sản xuất và cung cấp bê tông bọt khí polistirol, loại bê tông này ngày càng phổ biến do giá cả hợp lý, chất lượng tốt và hiệu quả về mặt bảo vệ môi trường sinh thái. Ưu điểm của loại vật liệu này còn thể hiện ở trọng lượng

thấp, và đặc biệt trong quá trình thi công, công nhân không cần quần áo bảo hộ chuyên dụng.

Trong quá trình sản xuất, toàn bộ phế thải cũng như các mẫu vụn từ sản phẩm đều được tái chế - có thể coi đây là quy trình sản xuất khép kín, không chất thải. Tất cả các nhà sản xuất đều hướng tới việc thiết lập hệ thống thu gom phế thải từ bê tông khí. Theo dự đoán của nhiều chuyên gia, trong tương lai, loại bê tông này có triển vọng rất lớn trên thị trường xây dựng Nga. Năm 2013, sự tăng trưởng khối lượng sản xuất bê tông có nhiều khả năng sẽ đạt được 15%. Sự phát triển các công nghệ sử dụng năng lượng hiệu quả, và sự phát triển của nhà ở thấp tầng sẽ là những yếu tố kích thích sự phát triển của bê tông khí. Yêu cầu của xây dựng hiện đại là cần luôn đổi mới sản phẩm, đồng thời không ngừng hoàn thiện các tính chất lý học của sản phẩm. Thị trường vật liệu cách nhiệt của Tây Âu, nơi bê tông khí chiếm cố định gần một phần ba thị phần - như trước đây - luôn đáp ứng được các yêu cầu nêu trên.

**O.Golovin**

*Nguồn: Báo Xây dựng Nga số 45  
(ngày 9/11/2012)*

**ND: Lê Minh**

## **Bê tông cốt thép - vật liệu xây dựng của mọi thời đại**

Ngôi nhà lắp ghép đầu tiên có kết cấu bê tông cốt thép được xây dựng tại thủ đô Moskva (Nga) vào năm 1930. Con đường thâm nhập và phát triển rộng khắp của kết cấu bê tông cốt thép lắp ghép trong thực tiễn xây dựng không hề đơn giản. Thời kỳ đó có quá nhiều ý kiến phản đối việc ứng dụng loại vật liệu này. Để quảng bá cho tính ưu việt của công nghệ lắp ghép bê tông cốt thép, tháng 3/1933, một hội nghị kéo dài 3 ngày đã được tổ chức với sự góp mặt của rất nhiều chuyên gia - kỹ sư xây dựng đến từ Moskva, Leningrad, Cheliabinsk,

Zaporozhe, Rostov và nhiều thành phố khác của Liên bang Xô Viết. Kết quả của những cuộc thảo luận sôi nổi sau 3 ngày họp thật tuyệt vời - phương pháp lắp ghép được tán thành hoàn toàn, hơn thế nữa, phương pháp này còn được đưa vào các Nghị quyết của Đại hội Đảng toàn Liên bang.

Tốc độ phát triển vũ bão của bê tông cốt thép lắp ghép thời gian này đã thúc đẩy việc thông qua Nghị quyết của BCHTW Đảng Cộng sản và Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô năm 1954 "Về phát triển sản xuất các cấu kiện bê tông cốt



thép lắp ghép và các chi tiết dành cho xây dựng". Để thực hiện các nhiệm vụ đề ra, Chính phủ Liên Xô lúc bấy giờ đã đầu tư một lượng vốn lớn cho việc nghiên cứu các giải pháp thiết kế những tòa nhà, công trình kết cấu bê tông cốt thép lắp ghép và hoàn thiện các công nghệ sản xuất. Tạp chí "Bê tông và bê tông cốt thép" ra đời trong bối cảnh như vậy. Trên cơ sở các phòng thí nghiệm của Viện công trình công nghiệp Trung Ương, Viện Nghiên cứu về bê tông và bê tông cốt thép đã được thành lập. Các chuyên gia của Viện cũng như của nhiều tổ chức khoa học và đơn vị thiết kế khác đã đóng góp rất nhiều cho quá trình thiết kế sản xuất và ứng dụng các kết cấu bê tông cốt thép trong xây dựng.

Trong khoảng thời gian ngắn, Liên Xô đã xây dựng ngành công nghiệp bê tông cốt thép lắp ghép hùng mạnh nhất thế giới, có công suất thiết kế (tính tới năm 1989) đạt 180 triệu m<sup>3</sup>/năm; trong đó riêng Nga đạt xấp xỉ 100 triệu m<sup>3</sup>. Từ năm 1955 đến năm 1985, khối lượng bê tông cốt thép được đưa vào sử dụng tăng 25 lần. Nhà nước dành sự quan tâm đặc biệt cho việc phát triển các kết cấu bê tông nhẹ và kết cấu dự ứng lực. Năm 1960, các nhà máy có công suất dưới 55 nghìn m<sup>3</sup>/năm đã xuất xưởng tới 86% tổng khối lượng bê tông cốt thép lắp ghép. Cho tới năm 1965, các nhà máy này chỉ còn sản xuất 45%, và năm 1990 chỉ còn 20% tổng lượng bê tông cốt thép lắp ghép.

Khối lượng công việc khá lớn khi thi công xây nhà từ bê tông liên khối chính là lý do thúc đẩy sự phát triển công nghệ xây dựng nhà lắp ghép. Việc chuyển từ các kết cấu liên khối sang kết cấu lắp ghép giúp giảm khối lượng công việc tới 50 %, thời gian thi công cũng được rút ngắn, nhất là vào mùa đông. Từ năm 1954 đến năm 1965, sản xuất bê tông cốt thép của Liên Xô tăng lên 20 lần. Tốc độ tăng trưởng thời kỳ này chưa từng thấy, khi các kết cấu bê tông cốt thép lắp ghép chiếm tới 60% thị phần xây dựng.

Bê tông cốt thép lắp ghép được ứng dụng

rộng rãi không chỉ trong công trình công nghiệp mà còn cả trong công trình dân dụng, đóng vai trò quyết định trong vấn đề cải thiện điều kiện nhà ở cho người dân. Tuy nhiên, số lượng các nhà máy bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép chỉ chiếm 20% trong tổng số các nhà máy công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng. Nói một cách khác, trong các ngành công nghiệp VLXD, đây là ngành mũi nhọn được tập trung sản xuất và đầu tư trang thiết bị lớn nhất.

Xu hướng xây dựng nhà lắp ghép tầm lớn phát triển mạnh khiến những ngôi nhà được xây dựng trở nên đơn điệu. Theo tình hình thị trường, các phương án lắp ghép thường được lựa chọn để thay thế phương pháp xây liền khối, ngay cả tại những nơi xây dựng lắp ghép dường như bất hợp lý.

Tỷ trọng của bê tông cốt thép tuy nhỏ hơn của thép tới 3 lần, song vẫn được coi là loại vật liệu nặng. Trong điều kiện kinh tế thị trường, việc tận dụng tối đa năng lực thiết bị sản xuất là một yêu cầu bắt buộc. Song việc tái cấu trúc và hiện đại hóa các dây chuyền sản xuất không mang lại lợi ích về mặt kinh tế vì đã làm nảy sinh khuynh hướng sao chép hàng loạt một kiểu nhà lắp ghép nào đó. Công suất sản xuất thặng dư lại dẫn tới tình trạng bất hợp lý trong việc vận chuyển các sản phẩm trên các quãng đường dài hàng trăm, thậm chí hàng nghìn km.

Hiện nay tại Nga, khối lượng bê tông cốt thép lắp ghép sử dụng trong các công trình xây dựng chỉ còn không quá 50%. Trong khi đó, mối quan tâm đối với xây dựng lắp ghép không hề suy giảm trên thị trường xây dựng thế giới. Có thể lấy một vài dẫn chứng cụ thể về các ứng dụng bê tông toàn khối và bê tông cốt thép ở nhiều nước. Tổ chức quốc tế về bê tông cốt thép lắp ghép ra đời đã hơn 40 năm nay, và đã tổ chức 20 hội nghị quốc tế tại các nước. Hội nghị gần đây nhất được tổ chức vào tháng 5/2011 tại Pháp. Theo các số liệu của Tổ chức này, tại châu Âu hiện nay có gần 8 nghìn nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông cốt thép với hơn



200 nghìn nhân công, doanh số hàng năm của toàn ngành đạt xấp xỉ 21 tỷ Euro - cao hơn nhiều so với doanh số của ngành sản xuất vữa bê tông trộn sẵn dùng cho xây dựng liền khối. Hàng năm, nước Đức sản xuất 32 triệu m<sup>3</sup> cấu kiện bê tông cốt thép lắp ghép, tức là gần gấp rưỡi so với Nga; Ý sản xuất gần 40 triệu m<sup>3</sup>. Tại Phần Lan, 97% nhà cao tầng và 38% nhà thấp tầng được xây dựng bằng cấu kiện bê tông cốt thép. Trung Quốc có tới 4.600 nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông cốt thép đang hoạt động.

Các nhà xây dựng sử dụng các tấm panel dạng sandwich có tuổi thọ theo tính toán tới 100 năm cho các kết cấu bao che. Độ dày các tấm ngăn cách âm tốt từ các panel rỗng dao động trong khoảng 320 - 370 mm. Độ rỗng các panel của tấm ngăn có tác dụng giữ nhiệt rất tốt.

Nước Mỹ đang triển khai rộng rãi những ứng dụng bê tông cốt thép lắp ghép trong xây cầu, đặc biệt xây các cây cầu cỡ lớn bằng phương pháp lắp ghép treo các kết cấu nhịp cầu. Việc xây cầu liền khối với sức căng của khung lên bê tông đã không còn phổ biến. Hiện nay tại Mỹ, gần 80% các cây cầu được xây từ bê tông cốt thép lắp ghép, trong đó các cầu có nhịp tới 50m được xây hoàn toàn bằng các kết cấu nhịp dầm lắp ghép.

Nhiều dự án lớn trên thế giới đã được thực hiện với bê tông cốt thép lắp ghép: đường hầm qua eo biển Măng-sơ với tổng chiều dài 55 km nối liền hai quốc gia Anh và Pháp; hai đường ống dẫn nước đường kính 4m và chiều dài 900 km tại Li Băng; cầu vượt chiều dài 55 km nối liền thủ đô Bangkok (Thái Lan) với cảng hàng không quốc tế; các cây cầu ở Đức với trọng lượng các kết cấu nhịp treo tới 30 nghìn tấn.

Bê tông cốt thép lắp ghép vẫn tiếp tục phát triển trên thị trường xây dựng thế giới bởi nhiều nguyên nhân: việc bảo đảm chất lượng sản phẩm ổn định đơn giản hơn, có thể tự động hóa hoàn toàn. Bên cạnh đó, có thể cho ra lò những sản phẩm đa dạng phong phú về mẫu mã, cũng như các chi tiết được gia công tỷ mỉ khi kết

hợp sử dụng các vật liệu gốc polymer để tạo hình. Và cuối cùng - ứng dụng các phụ gia hóa học vào bê tông cho phép giảm, thậm chí loại bỏ hoàn toàn quy trình rung để đầm lèn bê tông, và quy trình xử lý bảo dưỡng nhiệt độ tiếp theo (về nguyên tắc là xử lý bằng hơi) để tăng độ bền cho bê tông.

Hiện nay, nước Nga sản xuất xấp xỉ 20 triệu m<sup>3</sup> bê tông cốt thép lắp ghép hàng năm, trong đó các kết cấu dự ứng lực chiếm gần 4 triệu m<sup>3</sup>. Con số này cho thấy, sản xuất bê tông cốt thép của Nga trong vài năm gần đây đã tăng trưởng trở lại (mức tăng 4 - 6%). Các nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông cốt thép lắp ghép có ở khắp nơi. Tại thủ đô Moskva, tuy việc xây dựng các công trình từ bê tông liền khối phát triển mạnh, vẫn như trước kia, hơn một nửa quỹ nhà ở được xây dựng bằng phương pháp lắp ghép. Việc lựa chọn thành phần bê tông, kết cấu, hình dạng cho phép tạo ra những sản phẩm có độ chính xác cao với dung sai tối thiểu. Công việc hoàn thiện về mặt kiến trúc với các sản phẩm lắp ghép được cải tiến rõ rệt. Có thể coi Moskva là một ví dụ điển hình của việc ứng dụng thành công bê tông cốt thép lắp ghép trong xây dựng các công trình nhà ở. Theo ông I. Grigorev - Phó Kiến trúc sư trưởng thành phố, nhà xây bằng tấm panel lắp ghép không hề thua kém mà ngược lại, còn có chất lượng hơn so với nhà xây liền khối vì nhà panel đáp ứng mọi tiêu chuẩn chất lượng.

Song song với các kết cấu bê tông cốt thép lắp ghép tấm lớn, còn có cả bê tông lắp ghép tấm nhỏ - các khối xây tường. Sản lượng các khối xây từ bê tông silicat tổ ong và bê tông thông thường của Nga đạt hơn 20 triệu m<sup>3</sup>. Về khối lượng xuất xưởng, gạch (viên) bê tông đứng ở vị trí cao hơn so với gạch nung.

Tại Nga, gần 80% bê tông cốt thép được làm ra là các kết cấu thẳng và phẳng (các panel tường, tấm ngăn, tấm trần...).

Sản xuất cấu kiện bê tông cốt thép là một quy trình công nghiệp. Chất lượng của bê tông

- ngoài các ưu điểm về môi trường sinh thái - chính là thông số quyết định khả năng cạnh tranh của bê tông đối với các chủng loại vật liệu xây dựng khác.

Trong một thời gian dài, những quy định về tiết kiệm xi măng khiến việc sản xuất các kết cấu bê tông cốt thép khó đạt chất lượng cao, và những phương thức tiếp cận thực tiễn xây dựng của các nước khác đã được tiến hành. Các đề xuất về tiêu chuẩn của Ủy ban kỹ thuật bê tông cốt thép lắp ghép có đề cập tới việc sản xuất các kết cấu thông thường bằng bê tông mác thấp nhất B25, còn các kết cấu với khung dự ứng lực - bằng bê tông mác thấp nhất B37.

Tại Hà Lan, cường độ của bê tông đối với các kết cấu lắp ghép không có khung dự ứng lực được quy định từ 45 - 55 MPa; và có khung dự ứng lực từ 55 - 75 MPa.

Để sản xuất bê tông, ngành công nghiệp xi măng đã cho ra đời rất nhiều chủng loại chất kết dính khác nhau. Bên cạnh xi măng poóc-lăng và xi măng poóc-lăng xỉ, các biến thể của chất kết dính xi măng cũng được sản xuất, trong đó có phụ gia đông rắn nhanh, phụ gia nghiền mịn...

Mặc dù ngành công nghiệp xi măng chuyển đổi sang cơ chế thị trường và có sự cạnh tranh quyết liệt về chất lượng giữa các chủng loại xi măng được sản xuất trong nước - trước hết là về các chỉ tiêu độ bền - song xi măng của Nga vẫn thua xa về chất lượng so với xi măng được sản xuất ở nhiều nước khác.

Các chất độn tự nhiên (cát, sỏi...) dùng trong sản xuất bê tông nhiều lúc chưa đáp ứng được yêu cầu tiêu chuẩn, chủ yếu là các yêu cầu về thành phần của các tạp chất cũng như cỡ hạt. Một trong những xu hướng căn bản nhất nhằm nâng cao hiệu quả của bê tông là ứng dụng các phụ gia đặc biệt có khả năng cải thiện tính chất của bê tông trong giai đoạn sản xuất và đổ vữa bê tông, cũng như trong giai đoạn khai thác các kết cấu bê tông và bê tông cốt thép.

Đẩy nhanh quá trình đông rắn bê tông là

một trong những biện pháp quan trọng nhất trong sản xuất bê tông và các cấu kiện bê tông cốt thép lắp ghép, trong xây dựng các tòa nhà, các công trình từ bê tông liền khối.

Trong những năm gần đây, tuy các biện pháp thay thế nhằm thúc đẩy nhanh sự đông rắn của bê tông đang được tích cực nghiên cứu, việc gia công bằng nhiệt nhờ hơi nước tại các nhà máy sản xuất bê tông cốt thép lắp ghép trong thời gian sắp tới vẫn sẽ được duy trì.

Việc sử dụng bê tông có cường độ cao trong các kết cấu bê tông cốt thép chịu lực của các tòa nhà cho phép tiết giảm khối lượng các kết cấu nhờ khối lượng bê tông giảm, qua đó có thể tiết kiệm xi măng; còn khi các mặt cắt có kích cỡ bằng nhau, lượng thép làm khung có thể giảm đáng kể. Khối lượng công việc trong sản xuất, chi phí vận chuyển và nhiều chi phí liên quan khác đều có thể tiết giảm.

Việc gia tăng cường độ bê tông trong các kết cấu dành cho xây dựng đại trà cho phép cải thiện chất lượng sản phẩm, và trong nhiều trường hợp giúp giảm việc đặt cốt gián tiếp và giảm lượng thép tiêu hao nói chung. Điều này đã được khẳng định thông qua kinh nghiệm của thế giới trong việc chế tạo các kết cấu dự ứng lực bằng phương pháp tạo hình không ván khuôn trên các giá dài.

Việc sản xuất các cấu kiện bê tông cốt thép lắp ghép từ bê tông mác cao B40 ... B60 có thể thực hiện với xi măng poóc-lăng mác M550 ... M600. Sử dụng bê tông mác cao cho các cột của nhà một hay nhiều tầng, các vì kèo, dầm xà, các tấm trần khẩu độ lớn... luôn cho hiệu quả cao. Tại Trung Quốc, các nhà thiết kế thường sử dụng bê tông mác B100 đối với các cọc có chiều dài 30m. Còn trong tiêu chuẩn châu Âu hiện hành EN 206 -1 "Bê tông. Các yêu cầu kỹ thuật chung và kiểm tra chất lượng" đã quy định bê tông có độ bền nén B115 cho kết cấu này.

Trong các báo cáo tại Hội nghị quốc tế lần thứ 18 về bê tông cốt thép lắp ghép, cây cầu

được xây tại Pháp có các dầm lắp ghép bằng bê tông cường độ 200 MPa được dẫn ra như một ví dụ cụ thể về kinh nghiệm xây dựng. Các dầm dạng 2T khẩu độ 22 m có chiều cao mặt cắt 0,9 m và chiều rộng 2,2 m; bề dày các cạnh 15 cm. Các dầm chỉ được đặt cốt cho lực tác động theo hướng dọc. Khối lượng các kết cấu nhíp nhỏ hơn 2/3 so với bê tông cốt thép thông thường. Các ví dụ tương tự về việc sử dụng bê tông cường độ cao trong các kết cấu cầu tại Hà Lan, Nhật Bản, Canada cũng được dẫn chứng trong các báo cáo.

Các cọc ván cừ dài 13 m và dày tổng cộng 45 mm từ fibro bê tông (có xi măng đóng rắn nhanh và chất độn mịn trong thành phần) sau 24 giờ đồng hồ và sau cả chu trình sản xuất đạt cường độ 74 MPa.

Các ví dụ trên đây đã chứng minh cho những thành tựu xuất sắc trong công nghệ bê tông cốt thép trong thời gian gần đây. Kinh nghiệm quốc tế trong việc hoàn thiện dây chuyền sản xuất các kết cấu ứng lực và các kết cấu bê tông cốt thép lắp ghép giúp giảm thời gian sản xuất, cũng như tiết kiệm đáng kể vật liệu và nhân công. Đạt được kết quả này là nhờ việc ứng dụng các phụ gia hóa chất để có thể thu được vữa bê tông tự lèn. Các phụ gia này được người Nhật nghiên cứu chế tạo đầu tiên, và giờ đây đã phổ biến rộng rãi tại Mỹ và các nước Tây Âu. Chỉ riêng tại Hà Lan, khối lượng các kết cấu lắp ghép từ vữa bê tông tự lèn đã đạt xấp xỉ 1 triệu m<sup>3</sup>. Cường độ khi dỡ khuôn sau 8 - 16 giờ đạt 20 - 48 MPa.

Mỹ đề ra nhiệm vụ tới năm 2015, việc ứng dụng vữa bê tông tự lèn vào sản xuất các kết cấu lắp ghép sẽ đạt ít nhất 20% tổng khối lượng sản phẩm.

Bê tông cốt thép là loại vật liệu xây dựng chất lượng cao, nhưng không phải vĩnh cửu. Bởi vậy, trong tương lai, cần nghiên cứu phương pháp tháo dỡ và xử lý các tòa nhà bằng bê tông cốt thép lắp ghép khi đã hết thời gian sử dụng.

Tiêu chuẩn châu Âu EN 206 “Bê tông. Các

yêu cầu kỹ thuật” quy định việc đảm bảo tuổi thọ cho bê tông trong các điều kiện môi trường khác nhau, với bê tông mác cao nhất B115 đối với bê tông thông thường, và B88 đối với bê tông nhẹ. Tiêu chuẩn này được thông qua để làm cơ sở cho việc nghiên cứu các tiêu chuẩn ISO phù hợp. Khi biên soạn Tiêu chuẩn Nga GOST 26633 “Bê tông nặng và bê tông mịn. Các điều kiện kỹ thuật”, các nhà quản lý cũng xem xét các quy định của EN 206, và tham khảo thêm tiêu chuẩn châu Âu EN 13369 “Những yêu cầu chung đối với các kết cấu lắp ghép” mới được thông qua, và tiêu chuẩn EN 1992-1 “Kết cấu bê tông cốt thép trong các tòa nhà”, trong đó có các quy định phương pháp tính toán đối với kết cấu bê tông cốt thép.

Tại tất cả các nước phát triển, các hiệp hội khoa học - sản xuất bê tông và bê tông cốt thép đều hoạt động khá hiệu quả, trong đó phải kể tới Liên đoàn bê tông cốt thép quốc tế với hơn 50 nước thành viên. Liên đoàn có ủy ban kỹ thuật chuyên về bê tông cốt thép lắp ghép. Các ủy ban chuyên ngành bê tông cốt thép thuộc Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế ISO và CEN tiến hành công việc soạn thảo các tiêu chuẩn thống nhất, tổng hợp những thành tựu tiên tiến nhất về lĩnh vực liên quan từ thực tiễn xây dựng trên thế giới.

Năm 2004, Viện Bê tông Mỹ kỷ niệm tròn 100 năm thành lập. Đây là tổ chức tập hợp hàng nghìn chuyên gia và hàng trăm công ty xây dựng của Mỹ và Canada, với nhiệm vụ nghiên cứu cơ sở để xây dựng các tiêu chuẩn về bê tông, bê tông cốt thép. Các tiêu chuẩn này có ảnh hưởng sâu sắc tới thực tế xây dựng tại nhiều nước khác, trước hết là các nước Đông Nam Á. Viện phát hành 03 tạp chí về bê tông và bê tông cốt thép, hàng năm tổ chức 02 kỳ họp với sự tham gia của hàng trăm chuyên gia. Bên cạnh đó, Viện còn tài trợ và bằng uy tín của mình ủng hộ hoạt động của rất nhiều tổ chức cấp vùng trong cùng lĩnh vực.

Theo định mức kinh tế - kỹ thuật, bê tông và

bê tông cốt thép - như trước đây - là vật liệu xây dựng cơ bản có vị trí đứng đầu trong cơ cấu sản xuất vật liệu xây dựng trên toàn thế giới. Sản lượng bê tông và bê tông cốt thép hàng năm trên thế giới vượt quá 4 tỷ m<sup>3</sup> - con số kỷ lục. Trong 2,8 tỷ m<sup>2</sup> quỹ nhà ở của Nga, ít nhất 2 tỷ m<sup>2</sup> nhà được xây bằng bê tông và bê tông cốt thép. Việc bảo đảm nhà ở có mức giá hợp lý cho người dân là một trong những nhiệm vụ có ý nghĩa xã hội rất lớn của nước Nga hiện nay. Để thực hiện nhiệm vụ cho tới năm 2020, khối lượng xây dựng nhà ở tăng thêm 01 m<sup>2</sup>/người/năm đòi hỏi phải ứng dụng các giải pháp thiết kế mới, các vật liệu xây dựng cũng như các công nghệ đem lại hiệu quả cao, áp dụng rộng rãi các nghiên cứu khoa học. Nhiệm vụ này sẽ không thể hoàn thành nếu không đưa bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép vào thi công xây dựng các công trình để ở.

Sự phát triển trong tương lai của nền văn minh hiện đại không thể thiếu bê tông cốt thép. Cần củng cố vị trí nổi bật của bê tông cốt thép trên thị trường để có thể thu hút nguồn vốn từ các công ty xây dựng tài trợ cho các nghiên cứu khoa học về lĩnh vực này.

Thay cho lời kết, tác giả bài báo muốn dẫn ra đây lời phát biểu của Chủ tịch Hội bê tông cốt thép lắp ghép Thụy Điển - ngài M.Bers: “Nếu như bê tông cốt thép được phát minh trong thời đại của chúng ta, người phát minh ra nó đương nhiên phải được trao giải thưởng Nobel”.

**I.Volkov**

*Nguồn: Tạp chí Xây dựng dân dụng & Xây dựng công nghiệp Nga  
tháng 10/2012*

**ND: Lê Minh**

## **Bàn về chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp hóa nhà ở xã hội**

### **I. Chính sách hỗ trợ tài chính và biện pháp thực hiện**

Chính sách hỗ trợ tài chính cho phát triển công nghiệp hóa nhà ở xã hội bao gồm hai mặt: Thứ nhất là, khuyến khích các doanh nghiệp phát triển bất động sản xây dựng nhà ở xã hội bằng phương thức công nghiệp hóa; Thứ hai là, khuyến khích người mua nhà ở xã hội được xây dựng bằng phương thức công nghiệp hóa. Biện pháp cụ thể bao gồm:

#### **1. Ưu tiên hỗ trợ lãi suất cho các doanh nghiệp xây dựng nhà ở xã hội theo phương thức công nghiệp hóa đối với các khoản vay theo chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp hóa nhà ở xã hội.**

Nhằm đẩy mạnh hoạt động xây dựng nhà ở xã hội theo phương thức công nghiệp hóa, Nhà nước cần có những chính sách ưu tiên hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp đối với các khoản vay để xây dựng nhà ở xã hội theo phương thức

công nghiệp hóa. Các biện pháp hỗ trợ cụ thể gồm: hỗ trợ tiền trả lãi suất khoản vay hoặc bù lãi suất khoản vay cho doanh nghiệp.

#### **2. Doanh nghiệp muốn vay vốn của quỹ tiết kiệm nhà ở phải có dự án nhà ở xã hội phù hợp với yêu cầu phát triển công nghiệp hóa nhà ở**

Năm 2009 các cơ quan gồm: Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, ủy ban Cải cách và Phát triển, Ngân hàng Trung ương, Kiểm toán Nhà nước và Hiệp hội Giám sát Ngân hàng của Trung Quốc đã ban hành văn bản liên tịch “Một số ý kiến về công tác thí điểm xây dựng nhà ở xã hội bằng vốn vay của quỹ tiết kiệm nhà ở”. Trong văn bản này nêu rõ, nhằm ưu tiên bảo đảm vốn cho cá nhân mua nhà vay và vốn cho công nhân viên chức rút ra, quỹ tiết kiệm nhà ở phải giữ đủ tiền vốn để chi trả, đồng thời có thể sử dụng dưới 50% số dư của quỹ tiết kiệm nhà ở để hỗ trợ xây dựng nhà ở xã hội. Theo quy định

này, tiền vốn nhàn rỗi của quỹ tiết kiệm nhà ở chỉ được cho vay đối với các dự án xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư cho các dự án cải tạo khu ổ chuột theo quy hoạch xây dựng nhà ở xã hội của các thành phố, nhà ở cho thuê do các thành phố đặc biệt lớn đầu tư. Để thúc đẩy phát triển công nghiệp hóa xây dựng nhà ở xã hội, Nhà nước cần đưa tiêu chí phù hợp với yêu cầu phát triển công nghiệp hóa nhà ở xã hội là một trong những điều kiện để được vay vốn từ quỹ tiết kiệm nhà ở. Làm như vậy sẽ thúc đẩy các dự án nhà ở xã hội phát triển theo hướng công nghiệp hóa.

**3. Dành một số tiền hỗ trợ lãi suất nhất định cho người mua nhà ở xã hội được xây dựng theo phương thức công nghiệp hóa, được nhận định tính năng cấp A hoặc phù hợp với yêu cầu tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm đất và bảo vệ môi trường**

Để khuyến khích mọi người mua nhà ở xã hội, nhà ở xã hội được xây dựng theo phương thức công nghiệp hóa được nhận định tính năng cấp A hoặc phù hợp với yêu cầu tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm đất và bảo vệ môi trường, Nhà nước nên dành một nguồn kinh phí để hỗ trợ lãi suất ở tỷ lệ nhất định khi họ vay vốn mua nhà.

**II. Chính sách khuyến khích về thuế và biện pháp thực hiện**

**1. Dành những ưu đãi về thuế như miễn giảm thuế thu nhập cho các doanh nghiệp tham gia xây dựng nhà ở xã hội bằng phương thức công nghiệp hóa**

Nhằm khuyến khích xây dựng nhà ở xã hội, Bộ Tài chính Trung Quốc đã ban hành một số chính sách ưu đãi về thuế, ví dụ như Thông tư về chính sách thuế đối với nhà ở cho thuê giá rẻ, nhà ở phù hợp điều kiện kinh tế và nhà ở cho thuê được ban hành từ tháng 3/2008, trong đó đã miễn nhiều loại thuế như thuế sử dụng đất đô thị, thuế thu nhập... cho doanh nghiệp xây dựng và cho thuê nhà ở tập thể cho thuê...

Nhằm khuyến khích xây dựng nhà ở xã hội bằng phương thức công nghiệp hóa, trên cơ sở

những ưu đãi dành cho phát triển nhà ở xã hội hiện hành, miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp với mức độ nhất định đối với dự án nhà ở bảo hiểm xã hội phù hợp tiêu chuẩn công nghiệp hóa. Theo Điều 25 “Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp” của Trung Quốc quy định, Nhà nước ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các ngành sản xuất và các dự án được giúp đỡ trọng điểm, khuyến khích phát triển. Căn cứ vào 3 mức độ công nghiệp hóa nhà ở - mức độ cơ sở, mức độ thông thường và mức độ tiên tiến, đề ra chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp có phân loại, thể hiện sự chênh lệch về mức độ khuyến khích, tức là dành ưu đãi thuế lớn nhất cho mức độ tiên tiến, sau đó là mức độ thông thường và cuối cùng là mức độ cơ sở, biện pháp ưu đãi cụ thể có thể bao gồm ưu đãi thuế suất, trợ cấp thuế thu nhập cần phải nộp theo một tỷ lệ thuế nhất định đối với mức đầu tư công nghiệp hóa. Ngoài ra, có thể nghiên cứu dành ưu đãi thuế nhất định cho dự án được bình xét là công trình công nghiệp hóa tiêu biểu.

**2. Miễn những loại thuế không hợp lý đối với doanh nghiệp và cá nhân xây dựng hoặc mua nhà ở xã hội sửa chữa và trang trí nội thất toàn bộ**

Hiện nay, cả người xây dựng và người mua nhà ở khi tiến hành sửa chữa hoặc trang trí nội thất toàn bộ đều phải chịu nhiều loại thuế hơn so với khi xây dựng hoặc mua nhà ở hư hỏng nhẹ. Việc đánh thuế như vậy đã cản trở mọi người sửa chữa và trang trí nội thất toàn bộ nhà.

Theo quy định hữu quan về thuế doanh nghiệp của Trung Quốc, tỷ lệ thuế doanh nghiệp phải nộp khi sửa chữa và trang trí nội thất nhà ở là 3%, tỷ lệ thuế doanh nghiệp phải nộp khi tiêu thụ nhà ở là 5%. Khi doanh nghiệp phát triển nhà đất tiêu thụ nhà ở sửa chữa và trang trí nội thất toàn bộ, tỷ lệ thuế doanh nghiệp đánh vào phần sửa chữa và trang trí nội thất cũng là 5%. Bên cạnh đó, khoản đầu tư cho phần sửa chữa và trang trí nội thất cũng



phải nộp thuế giá trị gia tăng đất đai tương ứng. Ngoài ra, đối với loại nhà ở phổ thông được hưởng ưu đãi thuế chuyển nhượng cao hơn nhưng sau khi sửa chữa và trang bị nội thất, giá trị của nhà tăng lên, nhà ở phổ thông sẽ trở thành loại nhà không phổ thông và người mua sẽ bị chịu thuế chuyển nhượng tăng thêm.

Hiện nay có hiện tượng doanh nghiệp phát triển bất động sản ở một số thành phố áp dụng biện pháp “một hợp đồng, hai hóa đơn” để tránh bị tăng thêm thuế. “Một hợp đồng” có nghĩa là gộp hợp đồng phần sửa chữa và trang trí nội thất vào trong mục những quy định kèm theo trong hợp đồng mua bán giữa doanh nghiệp phát triển bất động sản và người mua nhà, hợp đồng quy định rõ nếu về sau có nảy sinh ra vấn đề chất lượng thì doanh nghiệp phát triển bất động sản phải chịu trách nhiệm sửa chữa và trang trí nội thất. “Hai hóa đơn” có nghĩa là doanh nghiệp phát triển bất động sản và doanh nghiệp sửa chữa trang trí xuất riêng hóa đơn mua nhà và hóa đơn sửa chữa và trang trí nội thất nhà. Nhưng biện pháp này cũng tồn tại một số vấn đề như người mua nhà sẽ không được vay vốn ngân hàng như quy định, khó xác định rõ ràng trách nhiệm của doanh nghiệp phát triển bất động sản và doanh nghiệp sửa chữa và trang trí nội thất nếu sau này nảy sinh vấn đề chất lượng.

Nghiên cứu dưới góc độ lâu dài, chính sách ưu đãi thuế đối với nhà ở sửa chữa và trang trí nội thất toàn bộ cần phải rõ ràng, khuyến khích doanh nghiệp xây dựng nhà ở sửa chữa và trang trí nội thất toàn bộ, khuyến khích người mua lựa chọn nhà ở sửa chữa và trang trí nội thất toàn bộ. Kiến nghị cần phải điều chỉnh chế độ thuế đối với nhà ở sửa chữa và trang trí nội thất toàn bộ như sau: Khi tính thuế chuyển nhượng, không được đưa giá thành sửa chữa và trang trí nội thất vào giá chung, từ đó tránh tình trạng người mua phải chịu thêm thuế chuyển nhượng khi mua nhà ở sửa chữa và trang trí nội thất toàn bộ; Hạ thấp một cách thích hợp tỷ lệ

các loại thuế đối với nhà ở sửa chữa và trang trí nội thất toàn bộ, khiến cho doanh nghiệp phát triển bất động sản và người mua được hưởng thêm nhiều ưu đãi về thuế khi kinh doanh nhà ở sửa chữa và trang trí nội thất toàn bộ; Để tránh khỏi tình trạng nhà ở phổ thông biến thành loại nhà ở khác sau khi tính tiền sửa chữa và trang trí nội thất vào giá nhà, đối với nhà ở sửa chữa và trang trí nội thất toàn bộ, tiêu chuẩn để xét xem nhà đó có phải là nhà ở phổ thông hay không là tính giá đơn vị: giá nhà hư hỏng nhẹ cộng thêm 20%.

### **3. Các doanh nghiệp sản xuất vật liệu hoặc cấu kiện phù hợp với yêu cầu tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường được hưởng đãi ngộ về thuế tương đương với doanh nghiệp có trình độ khoa học kỹ thuật cao**

Tháng 4/2008, Bộ Khoa học kỹ thuật, Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế Nhà nước Trung Quốc đã ban hành văn bản liên tịch “Biện pháp chứng nhận và quản lý doanh nghiệp có trình độ khoa học kỹ thuật cao” và “Các lĩnh vực kỹ thuật cao được Nhà nước giúp đỡ trọng điểm”. Qua đó, các doanh nghiệp có trình độ khoa học kỹ thuật cao có thể đề nghị được hưởng chính sách ưu đãi về thuế theo quy định của “Luật thuế thu nhập doanh nghiệp” và “Luật Quản lý thuế”, tức là các doanh nghiệp có trình độ khoa học kỹ thuật cao được Nhà nước giúp đỡ trọng điểm được hạ thấp tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp từ 23% xuống tới 15%.

Muốn được hưởng ưu đãi về thuế, doanh nghiệp có trình độ khoa học kỹ thuật cao phải đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

a) Có quyền sở hữu trí tuệ đối với kỹ thuật chủ chốt sản xuất sản phẩm (dịch vụ) của mình thông qua các phương thức như tự chủ nghiên cứu phát minh, được chuyển nhượng, được trao tặng, mua hoặc sáp nhập doanh nghiệp khác... trong thời gian 3 năm hoặc thông qua các phương thức được độc quyền từ 5 năm trở lên.

b) Có sản phẩm (dịch vụ) thuộc “Các lĩnh vực kỹ thuật cao được Nhà nước giúp đỡ trọng

điểm”, tức là thuộc về phạm vi kỹ thuật thông tin điện tử, kỹ thuật sinh học, kỹ thuật dược phẩm mới, kỹ thuật hàng không vũ trụ, ngành dịch vụ kỹ thuật cao, kỹ thuật năng lượng mới và tiết kiệm năng lượng, kỹ thuật tài nguyên và môi trường, các ngành sản xuất truyền thống đã cải tạo kỹ thuật cao...

c) Có nhân viên khoa học kỹ thuật chuyên ngành từ đại học trở lên chiếm trên 30% tổng số công nhân viên chức của doanh nghiệp năm đó, trong đó nhân viên nghiên cứu phát minh chiếm 10% tổng số công nhân viên chức doanh nghiệp năm đó.

d) Để có được tri thức khoa học kỹ thuật (không bao gồm khoa học xã hội nhân văn), doanh nghiệp đã vận dụng sáng tạo tri thức khoa học kỹ thuật mới, biến nó thành kỹ thuật, sản phẩm (dịch vụ) cải tiến về thực chất, tiếp tục tiến hành hoạt động nghiên cứu khai thác, tỷ lệ tổng mức chi phí cho nghiên cứu khai thác chiếm trong tổng mức thu nhập tiêu thụ 3 năm gần nhất phải đáp ứng những yêu cầu sau: đối với các doanh nghiệp có thu nhập 1 năm gần nhất dưới 50 triệu NDT, tỷ lệ này không thấp hơn 6%; đối với các doanh nghiệp có thu nhập 1 năm gần nhất từ 50 triệu NDT đến 200 triệu NDT, tỷ lệ này không thấp hơn 4%; đối với các doanh nghiệp có thu nhập 1 năm gần nhất từ 200 triệu NDT trở lên, tỷ lệ này không thấp hơn 3%. Trong đó, tổng mức chi phí nghiên cứu khai thác của doanh nghiệp phát sinh trong lãnh thổ Trung Quốc chiếm tỷ lệ không dưới 60% tổng mức chi phí cho nghiên cứu khai thác của doanh nghiệp.

Nếu thời gian đăng ký thành lập của doanh nghiệp chưa đủ 3 năm, tính theo năm kinh doanh trong thực tế thì:

e) Thu nhập của sản phẩm (dịch vụ) kỹ thuật cao chiếm trên 60% tổng thu nhập doanh nghiệp năm đó.

f) Các chỉ tiêu của doanh nghiệp như trình độ tổ chức quản lý nghiên cứu khai thác, năng lực chuyển hóa thành quả khoa học kỹ thuật, số

lượng quyền tài sản tri thức tự chủ, tiêu thụ và tài sản tăng trưởng... đều phù hợp với yêu cầu của “Chỉ dẫn công tác chứng nhận doanh nghiệp có trình độ khoa học kỹ thuật cao”.

Kiến nghị: Các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng và các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng được chứng nhận phù hợp với yêu cầu tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường có thể căn cứ vào quy định của pháp luật thuế đề nghị được hưởng ưu đãi về thuế dành cho doanh nghiệp có trình độ khoa học kỹ thuật cao. Tiêu chuẩn doanh nghiệp có trình độ khoa học kỹ thuật cao được hưởng ưu đãi thuế nói trên không áp dụng hoàn toàn cho các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng. Vì vậy, các ngành quản lý hữu quan có thể cùng với ngành thuế và ngành tài chính đề ra tiêu chuẩn cụ thể của các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng được hưởng ưu đãi tương đương với doanh nghiệp có trình độ khoa học kỹ thuật cao.

#### **4. Miễn thuế doanh nghiệp và thuế bất động sản đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh cho thuê nhà ở tập thể được xây dựng theo phương thức công nghiệp hóa**

Tháng 9/2010, Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế đã ban hành văn bản “Về chính sách ưu đãi thuế dành cho xây dựng và kinh doanh nhà ở tập thể cho thuê”, trong đó quy định miễn thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế bất động sản đối với thu nhập từ hoạt động cho thuê nhà ở tập thể. Thời gian thực hiện chính sách ưu đãi thuế này quy định tạm thời 3 năm. Để khuyến khích doanh nghiệp xây dựng nhà ở tập thể bằng phương thức công nghiệp hóa, nên miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế bất động sản đối với thu nhập tiền cho thuê nhà ở tập thể.

#### **III. Chính sách khuyến khích về đất đai và biện pháp thực hiện**

##### **1. Chính sách ưu đãi về đất thúc đẩy phát triển nhà ở xã hội xây dựng bằng phương thức công nghiệp hóa**

Chính sách ưu đãi về đất đai bao gồm hai nội dung:

- *Ưu tiên cung ứng đất cho dự án nhà ở xã hội xây dựng bằng phương thức công nghiệp hóa.* Khi lập kế hoạch cung ứng đất hàng năm, các ngành hữu quan như tài nguyên môi trường, cải cách và phát triển, quy hoạch, xây dựng đô thị và nông thôn... dành sự ưu đãi cho nhà ở xã hội xây dựng bằng phương thức công nghiệp hóa, hàng năm đều dành một quỹ đất nhất định cung cấp cho xây dựng nhà ở xã hội bằng phương thức công nghiệp hóa.

- *Đối tượng cung ứng là nhà ở xã hội xây dựng bằng phương thức công nghiệp hóa.* Ví dụ, trong quy hoạch sử dụng đất, ưu tiên phân phối thêm đất cho các dự án nhà ở xã hội xây dựng bằng phương thức công nghiệp hóa.

**2. Một trong những điều kiện để được phân phối đất là xác định rõ ràng nội dung và yêu cầu xây dựng bằng phương thức công nghiệp hóa trong hồ sơ giao dịch đất xây dựng nhà ở xã hội.**

Các nội dung và yêu cầu xây dựng bằng phương thức công nghiệp hóa phải được xác định rõ ràng trong hồ sơ giao dịch đất xây dựng nhà ở xã hội. Đồng thời, nếu đã cam kết xây dựng nhà ở xã hội bằng phương thức công nghiệp hóa nhưng quá trình xây dựng nhà ở không đạt tiêu chuẩn công nghiệp hóa thì phải nộp tiền vi phạm hợp đồng với một tỷ lệ nhất định và không được đề nghị mua đất trong một vài năm sau đó.

Ví dụ, năm 2010 thành phố Thâm Quyển ban hành “Một vài ý kiến về xây dựng nhà ở bằng phương thức công nghiệp hóa”, đưa ra biện pháp triệt để điều tiết đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất xây dựng, coi yêu cầu xây dựng nhà ở bằng phương thức công nghiệp hóa là một trong những điều kiện để chuyển nhượng đất, khiến cho mô thức quản lý đất tập trung với hiệu quả cao trở thành biện pháp đặc lực và là sự bảo đảm quan trọng để đẩy mạnh công tác hiện đại hóa, công nghiệp hóa xây dựng nhà ở

tại thành phố Thâm Quyển. Một ví dụ nữa, để khuyến khích ngành nhà ở phát triển theo hướng công nghiệp hóa, ngoài việc đề ra và thực hiện chính sách ưu đãi xây dựng công nghiệp hóa nhà ở, thành phố Ninh Hạ còn thông qua các phương thức như ràng buộc về cung ứng đất..., buộc doanh nghiệp phát triển bất động sản phải tích cực phối hợp, coi tỷ lệ diện tích nhà ở sửa chữa và trang trí nội thất toàn bộ, cấp độ tính năng nhà ở... vào điều kiện chuyển nhượng đất. Trong quá trình xây dựng công trình, doanh nghiệp phát triển bất động sản phải kịp thời báo cáo lên cấp trên giám sát quản lý vật liệu hiệu quả. Nếu quá trình xây dựng nhà ở không đạt tiêu chuẩn công nghiệp hóa thì phải nộp tiền vi phạm hợp đồng với một tỷ lệ nhất định và không được đề nghị mua đất trong thời gian 2 năm sau đó.

**3. Trong quá trình mua đất xây dựng nhà ở xã hội và xác định giá bán hoặc giá cho thuê nhà, phải quan tâm đến ứng dụng kỹ thuật công nghiệp hóa và nhân tố giá thành**

Phương thức mua đất xây dựng nhà ở xã hội khác nhau nên biện pháp cụ thể cũng khác nhau:

- *Đối với nhà ở xã hội xây dựng trên đất được mua bằng phương thức đấu giá,* các ngành hữu quan, chính quyền trong quá trình xác định giá chuyển nhượng đất và đơn vị phát triển nhà đất trong quá trình đấu thầu mua đất đều phải quan tâm đến ứng dụng kỹ thuật công nghiệp hóa và nhân tố giá thành.

- *Đối với nhà ở xã hội xây dựng trên đất không theo phương thức đấu giá,* các ngành hữu quan, chính quyền xác định giá tiêu thụ hoặc giá cho thuê tùy theo giá thành.

**4. Dự án nhà ở xã hội xây dựng bằng phương thức công nghiệp hóa được hưởng chính sách khuyến khích về diện tích hoặc trực tiếp miễn giảm các loại thuế hữu quan**

Năm 2010, 8 ngành hữu quan của thành phố Bắc Kinh cùng ban hành “Biện pháp tạm thời về ưu đãi khuyến khích diện tích xây dựng

nhà ở theo phương thức công nghiệp hóa” (chính sách này kéo dài đến cuối năm 2015), quy định rõ đơn vị phát triển bất động sản áp dụng phương thức xây dựng công nghiệp hóa sẽ được khuyến khích một diện tích công trình xây dựng nhất định trên cơ sở diện tích công trình xây dựng quy hoạch vốn có. Tổng số diện tích công trình xây dựng được khuyến khích của dự án không vượt quá 3% tổng số các diện tích công trình xây dựng quy hoạch đơn lẻ được xây dựng bằng phương thức công nghiệp hóa. Ninh Hạ thực hiện chính sách ưu đãi tỷ lệ mật độ xây dựng nhà ở sửa chữa và trang trí nội thất toàn bộ. Thực hiện chính sách ưu đãi tỷ lệ mật độ xây dựng đối với các dự án xây dựng phát triển phù hợp với chính sách xây dựng nhà ở bằng phương thức công nghiệp hóa hoặc có diện tích nhà ở xây dựng mới, sửa chữa và trang trí nội thất toàn bộ chiếm một tỷ lệ nhất định tổng diện tích xây dựng của dự án, tỷ lệ mật độ xây dựng có thể được nâng cao lên tới 3%.

Tình hình thực hiện chính sách khuyến khích tăng tỷ lệ mật độ thêm 3% như hiện nay cho

thấy còn tồn tại mấy vấn đề sau: biện pháp khuyến khích mật độ có nhiều nhược điểm như trình tự phức tạp, thủ tục rườm rà, tốn nhiều thời gian, phải điều chỉnh quy hoạch và kế hoạch đầu tư cho phù hợp... Vì vậy, chính sách này không mấy hấp dẫn đối với các doanh nghiệp phát triển bất động sản. Kiến nghị: Nên điều chỉnh trình tự thực hiện chính sách này, tiến hành khuyến khích tỷ lệ mật độ ngay từ khi cho ý kiến quy hoạch ở khâu chuyển nhượng đất đối với các doanh nghiệp xây dựng cam kết xây dựng nhà ở xã hội bằng phương thức công nghiệp hóa; đồng thời, yêu cầu họ phải nộp một tỷ lệ tiền bảo đảm nhất định. Các ngành hữu quan sẽ không trả lại họ số tiền bảo đảm này nếu khi nghiệm thu công trình phát hiện thấy quá trình xây dựng không phù hợp với yêu cầu công nghiệp hóa.

**Văn Lâm Phong**

*Tạp chí “Xây dựng đô thị và nông thôn” TQ  
số 8/2012*

**ND: Hoàng Thế Vinh**

## **Công đoàn Xây dựng Việt Nam tổ chức Đại hội lần thứ XII và đón nhận Huân chương Độc lập hạng Nhất**

Đại hội lần thứ XII (nhiệm kỳ 2013-2018) của Công đoàn Xây dựng Việt Nam (CĐXDVN) đã khai mạc sáng nay (13/3/2013) tại Hà Nội với sự tham dự của hơn 300 đại biểu đại diện các tổ chức công đoàn trực thuộc CĐXDVN và Ban Chấp hành CĐXDVN khóa XI.

Tham dự phiên Khai mạc Đại hội có Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng - Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (LĐVN) Nguyễn Văn Ngàn; Nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Tổng Liên đoàn LĐVN - Anh hùng Lao động Cù Thị Hậu; nguyên Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Mạnh Kiểm, Nguyễn Hồng Quân và nhiều đồng chí nguyên là lãnh đạo Bộ Xây dựng, Tổng Liên đoàn LĐVN, CĐXDVN.

Đại hội đã vinh dự được Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan gửi lẵng hoa chúc mừng.

Đại hội CĐXDVN lần thứ XII diễn ra trong bối cảnh đất nước có nhiều thuận lợi nhưng cũng đan xen nhiều khó khăn, thách thức. Công nhân viên chức, lao động ngành Xây dựng đang cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nỗ lực phấn đấu thi đua lao động sản xuất, công tác, quyết tâm vượt qua khó khăn, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Đại hội đã thông qua Báo cáo của Ban Chấp hành CĐXDVN khóa XI về kết quả phong trào công nhân viên chức, lao động và hoạt động công đoàn nhiệm kỳ 2008-2013, mục tiêu, phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ 2013-2018 và tiến hành công tác bầu cử thành viên Ban chấp hành CĐXDVN khóa XII.

Phát biểu tại Đại hội lần thứ XII của CĐXDVN, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng cho biết, với vai trò là tổ chức chính trị - xã hội, đại diện cho ý chí, nguyện vọng của



*Đoàn chủ tịch Đại hội*

người lao động, trong những năm qua, CĐXDVN đã từng bước đổi mới cả về nội dung và phương thức hoạt động, tập trung hướng về cơ sở, các cấp công đoàn thực hiện tốt chức năng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người lao động, đặc biệt là việc giải quyết có hiệu quả những vấn đề bức xúc, cấp bách như việc làm, tiền lương, bảo hiểm xã hội, an toàn vệ sinh lao động, từng bước xây dựng quan hệ lao động hài hòa; các tổ chức công đoàn của Ngành đã tham gia hiệu quả trong việc xây dựng cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật của ngành, phối hợp thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, tăng cường hoạt động giám sát, ngăn ngừa những vi phạm liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động. Các phong trào thi đua được phát động rộng khắp và mạnh mẽ, có sức lan tỏa, thu hút được sự tham gia đông đảo của đoàn viên công đoàn. Đặc biệt, CĐXDVN đã phát động các phong trào thi đua, động viên lực lượng lao động toàn ngành thực hiện có hiệu quả cao nhiều công trình lớn, trọng điểm có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển kinh tế đất nước. Với những thành tựu đạt được, CĐXDVN đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý. Trong dịp Đại hội lần thứ XII, CĐXDVN đã được Nhà nước





*Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng trao Huân chương Độc Lập hạng Nhất cho CĐXDVN*

tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất. Thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng biểu dương những cố gắng và chúc mừng những kết quả mà công đoàn XDVN đã đạt được trong những năm qua.

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cũng bày tỏ mong muốn Đại hội nhiệm kỳ XII sẽ bầu ra Ban chấp hành mới - những người tiêu biểu, lãnh đạo các tổ chức công đoàn và phong trào công nhân viên chức, lao động hoàn thành nhiệm vụ. Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đề nghị, Công đoàn XDVN sau Đại hội nhanh chóng xây dựng kế hoạch, giải pháp nhằm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ đã đặt ra, tập trung bám sát các nhiệm vụ chính trị của Bộ Xây dựng và ngành

Xây dựng; tổ chức có hiệu quả các phong trào thi đua, gắn thi đua với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, trước hết lấy mục tiêu phát triển kinh tế làm trung tâm; Thường xuyên quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người lao động, đặc biệt là việc nâng cao kiến thức, chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề cho người lao động để họ có cơ hội được làm việc với năng suất chất lượng cao, từ đó để có thu nhập cao, góp phần hoàn thành các nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị. Tập trung chú ý đến lợi ích của người lao động ở khu vực khó khăn, vùng sâu, vùng xa, công trình trọng điểm, phức tạp; Quan tâm xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh, thực hiện tốt 4 chương trình mà Đại hội đã đề ra, trong đó chú trọng công tác xây dựng đội ngũ, phát triển đoàn viên tại các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Tại Đại hội, thừa ủy quyền của Chủ tịch nước, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đã trao Huân chương Độc lập hạng Nhất cho Công đoàn XDVN.

**Minh Tuấn**

## **Bộ Xây dựng tổ chức Hội nghị góp ý Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992**

Sáng ngày 12/3/2013 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị góp ý Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 với sự tham gia của đại diện các Cục, Vụ, Văn phòng, đơn vị sự nghiệp, ban quản lý dự án, doanh nghiệp thuộc Bộ Xây dựng, Công đoàn Xây dựng Việt Nam; các Sở Xây dựng địa phương khu vực phía Bắc; các Hội, Hiệp hội chuyên ngành Xây dựng và một số chuyên gia. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Cao Lại Quang chủ trì Hội nghị.

Phát biểu tại Hội nghị, Thứ trưởng Cao Lại Quang cho biết, thực hiện chỉ đạo của Thủ

tướng Chính phủ tại Quyết định số 136/QĐ-TTg ngày 11/1/2013 ban hành Kế hoạch của Chính phủ về việc tổ chức lấy ý kiến về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 174/QĐ-BXD ngày 06/2/2013 về kế hoạch tổ chức lấy ý kiến cho Dự thảo sửa đổi Hiến pháp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Xây dựng. Kể từ khi ra đời năm 1946 đến nay, Hiến pháp nước ta đã qua một số lần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế đất nước của từng giai đoạn. Nhằm thể chế hóa Cương lĩnh xây dựng đất nước

trong thời kỳ đổi mới, quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội năm 1991, Hiến pháp năm 1992 đã tạo cơ sở chính trị, pháp lý quan trọng cho việc thực hiện công cuộc đổi mới. Qua 20 năm thực hiện Hiến pháp năm 1992, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử. Đến nay, đất nước ta đã có nhiều thay đổi trong bối cảnh tình hình quốc tế có những biến đổi to lớn, sâu sắc và phức tạp. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội qua văn kiện của Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ XI đã xác định mục tiêu định hướng phát triển toàn diện, bền vững đất nước trong giai đoạn cách mạng mới nhằm xây dựng đất nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vì vậy cần phải sửa đổi Hiến pháp năm 1992 để đảm bảo đổi mới đồng bộ cả về kinh tế, chính trị, xây dựng Nhà nước Việt Nam pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; bảo đảm tốt hơn quyền con người và các quyền cơ bản của công dân; xây dựng và bảo vệ đất nước; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Do vậy việc sửa đổi Hiến pháp là sự kiện chính trị trọng đại của đất nước, việc lấy ý kiến nhân dân về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp là việc hết sức có ý nghĩa và quan trọng, hệ trọng của quốc gia. Việc lấy ý kiến nhân dân về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp thể hiện quyền và vai trò làm chủ của nhân dân đối với các vấn đề của quốc gia, đồng thời là đợt sinh hoạt chính trị, pháp lý hết sức quan trọng tạo sự đồng thuận, nâng cao nhận thức và trách nhiệm đối với việc xây dựng Hiến pháp, tôn trọng và thi hành Hiến pháp.

Tại Hội nghị, các đại biểu tham dự đã phát



Thứ trưởng Cao Lại Quang phát biểu tại Hội nghị

biểu nhiều ý kiến tập trung góp ý sâu những nội dung trong toàn bộ Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992. Các ý kiến khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước và xã hội; khẳng định tính đúng đắn của Điều 4 Hiến pháp như Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992; khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Quân đội nhân dân Việt Nam thể hiện rõ và đầy đủ bản chất, trách nhiệm chính trị của lực lượng vũ trang nhân dân nói chung, Quân đội nhân dân Việt Nam nói riêng; khẳng định sở hữu toàn dân về đất đai, nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước theo đường lối, quan điểm của Đảng được khẳng định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội...

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Cao Lại Quang đánh giá cao các tham luận và ý kiến đóng góp của các đại biểu với nhiều ý kiến rất sâu sắc, rất trách nhiệm và yêu cầu Ban Tổ chức Hội nghị tiếp thu và tổng hợp đầy đủ các ý kiến tại Hội nghị chuyển đến Ủy ban Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992.

Minh Tuấn

## Hội thảo Việt - Nhật lần thứ 4 về xây dựng

Ngày 7/3/2013, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng Việt Nam và Bộ Đất đai, Hạ tầng, Giao thông và Du lịch Nhật Bản (MLIT) đã phối hợp tổ chức Hội thảo Việt - Nhật lần thứ 4 về xây dựng. Hội thảo

diễn ra nhân dịp kỷ niệm 40 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước (1973 -2013).

Tham dự Hội thảo có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Việt Nam Trần Văn Sơn, ông Hirofumi

Hihara - Thứ trưởng phụ trách xây dựng kỹ thuật và bất động sản - Bộ Đất đai, Hạ tầng, Giao thông và Du lịch Nhật Bản (MLIT), ông Hirofumi Miyake - Tham tán kinh tế Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam.

Đến dự Hội thảo, về phía Việt Nam còn có đại diện lãnh đạo các Cục, Vụ, Viện thuộc Bộ Xây dựng, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Giao thông vận tải, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; các Sở Xây dựng: Bắc Ninh, Hà Giang, Hải Dương, Lai Châu, Ninh Bình, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Vĩnh Phúc; các Tổng công ty: Sông Đà, HUD, Vinaconex, Xây dựng Hà Nội, LILAMA, COMA, Viwaseen, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các công ty xây dựng, công ty xuất khẩu lao động, các cơ sở đào tạo, các ban quản lý dự án.

Về phía Nhật Bản có đại diện các cơ quan thuộc MLIT, Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam, Văn phòng JICA Việt Nam, Tổ chức Phát triển nhân lực quốc tế Nhật Bản, Hiệp hội Xây dựng Nhật Bản, đại diện các Tập đoàn như Taisei, Shimizu, Penta - Ocean, JFE, Tekken, TOA, Nishimatsu, đại diện các công ty xây dựng Misubishi, Rinkai, Maeda, Wakachiku, Yokogawa, Toda, đại diện các công ty Nikkan Kensetsu Kogyo, Nikken Sekkei, Toyota Tshusho Việt Nam.

Phát biểu tại Hội thảo, Thứ trưởng Trần Văn Sơn cho biết, trong những năm qua, ngành Xây dựng Việt Nam đã có những đóng góp quan trọng vào công cuộc xây dựng, khôi phục kinh tế, thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Để có được những đóng góp quan trọng đó, ngoài sự chỉ đạo quyết liệt của lãnh đạo Đảng và Chính phủ, sự nỗ lực của các tập thể, cá nhân đã và đang hoạt động trong ngành Xây dựng thì còn phải nói đến sự hỗ trợ đáng kể về nguồn vốn đầu tư được tập trung cho ngành Xây dựng của cả nước, các nguồn vốn khác trong đó có nguồn vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI), vốn viện trợ phát triển chính thức (ODA) song phương và đa phương



*Thứ trưởng Bộ Xây dựng Trần Văn Sơn phát biểu tại Hội thảo*

của các quốc gia trên thế giới trong đó có Nhật Bản. Trong 20 năm qua (1992 - 2011), tổng kinh phí viện trợ ODA của Nhật Bản cho Việt Nam vào khoảng 1914,9 tỷ Yên (tương đương hơn 20 tỷ USD), đặc biệt cam kết cho năm 2013 vẫn giữ ở mức cao là gần 6,5 tỷ USD. Với sự hỗ trợ của Chính phủ Nhật Bản và sự tham gia mạnh mẽ của các nhà đầu tư, nhà thầu tư vấn, nhà thầu xây dựng Nhật Bản như Obayashi Corporation, Marubeni Corporation, Sumitomo, Taisei..., nhiều công trình xây dựng quan trọng đã và đang được đầu tư triển khai tại Việt Nam, đặc biệt là các công trình hạ tầng đường sá, cầu, hầm, nhà cao tầng, sản xuất vật liệu xây dựng và dịch vụ, cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, góp phần cải thiện đời sống xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân và tăng trưởng kinh tế của Việt Nam nói chung cũng như nâng cao công tác chuyên môn nói riêng cho các cán bộ quản lý và kỹ thuật hoạt động trong ngành Xây dựng Việt Nam khi tham gia các dự án có nguồn vốn của Nhật Bản hay có sự tham gia từ các doanh nghiệp Nhật Bản.

Thứ trưởng Hirofumi Hihara của MLIT nhấn mạnh mối quan hệ hợp tác có truyền thống 40 năm giữa hai nước Việt Nam - Nhật Bản, đồng thời đánh giá cao sự hợp tác, hỗ trợ hiệu quả giữa hai Bộ, giữa các doanh nghiệp của hai bên. Ông Hirofumi Hihara hy vọng hai nước, hai Bộ và các doanh nghiệp Việt Nam - Nhật Bản





*Ông Vũ Tiến Giao - Tổng giám đốc T Cty LICOGI và ông Satoru Ogara - Phó Chủ tịch điều hành Cty Taisei ký biên bản ghi nhớ hợp tác trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực*

tiếp tục tăng cường hợp tác hiệu quả trong tương lai.

Ông Hirofumi Miyake - Tham tán Kinh tế, Đại sứ quán Nhật Bản cũng cho biết: Trong những năm qua, Việt Nam đã có những bước phát triển nhanh chóng về kinh tế, ngoài ra, cơ sở hạ tầng, nhà máy cũng đã được thực hiện hết sức sôi động. Chính phủ Nhật Bản cũng đã giúp Việt Nam hoàn thành các cơ sở hạ tầng, giao thông và năng lượng thông qua các nguồn vốn ODA và trong tương lai Chính phủ Nhật Bản sẽ tiếp tục hỗ trợ Việt Nam trong các lĩnh vực này. Tuy nhiên trong thi công các công trình xây dựng vấn đề chất lượng và an toàn lao động là hết sức quan trọng và người kỹ sư, nhân viên là một yếu tố quyết định, do đó việc trao đổi hợp tác và chuyển giao công nghệ giữa hai nước là rất cần thiết, chính vì vậy Hội thảo lần này có ý nghĩa hết sức quan trọng thúc đẩy mạnh mẽ quan hệ giữa hai nước, đồng thời thúc đẩy hợp tác, trao đổi hai bên trong lĩnh vực xây dựng và đào tạo nhân lực ngành xây dựng.

Tại Hội thảo, đại diện hai phía Việt Nam và Nhật Bản đã trình bày các bản tham luận xoay quanh các vấn đề về thị trường đầu tư, quản lý dự án, các tiêu chuẩn đấu thầu cho công trình công cộng của Nhật Bản, các quy định về năng lực của các tổ chức và cá nhân tham gia thiết



*Các đại biểu dự Hội thảo*

kế và thi công xây dựng ở Nhật Bản, quản lý hợp đồng xây dựng, công nghệ xây dựng tàu điện ngầm, đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho ngành Xây dựng... Các tham luận tại Hội thảo đã tạo cơ hội để xem xét các vấn đề từ nhiều góc độ, cung cấp nguồn thông tin phong phú cho cả hai bên và tạo nên một diễn đàn về ngành Xây dựng để các nhà quản lý, các doanh nghiệp Việt Nam và Nhật Bản có dịp trao đổi, học hỏi lẫn nhau, từ đó xây dựng những mối quan hệ hợp tác bền vững trong tương lai.

Tại Hội thảo, các doanh nghiệp Nhật Bản kiến nghị Việt Nam cần cung cấp các chính sách, định hướng, quy hoạch khu công nghiệp, khu kinh tế; xây dựng thêm nhiều nhà máy điện theo nhiều hình thức; xây dựng các công trình nhà ở, dịch vụ tương ứng xung quanh các khu công nghiệp, đặc biệt là khu vực sinh sống cho nhà đầu tư. Về thủ tục hành chính, pháp luật và chính sách, các doanh nghiệp Nhật Bản đề nghị Việt Nam thống nhất quy trình và đầu mối xử lý thủ tục hành chính tại các địa phương. Các chính sách thuế liên tục thay đổi trong 5 năm gần đây cần được tổ chức tập huấn, hướng dẫn và trao đổi với các doanh nghiệp.

Về vấn đề lao động, các doanh nghiệp Nhật Bản đề xuất xây dựng Chương trình đào tạo thực hành, nâng cao kiến thức và ngoại ngữ để thuận tiện hòa đồng trong doanh nghiệp Nhật Bản. Việt Nam cần tổ chức điều tra như cầu thực tế, nâng cao năng lực các trường đào tạo

nghề, chú trọng thực hành trong các trường cao đẳng và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp xúc với các sinh viên năm cuối để giới thiệu công việc và kế hoạch tuyển dụng của doanh nghiệp.

Cũng tại Hội thảo lần này cũng đã diễn ra Lễ Ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác giữa hai nhóm doanh nghiệp Việt Nam và Nhật Bản về việc đào tạo nguồn nhân lực theo Chương trình đào tạo tu nghiệp sinh kỹ thuật (TITP). Cụ thể, tổ hợp các nhà thầu của Việt Nam sẽ tuyển chọn kỹ sư, công nhân tham gia chương trình dự bị TITP tại các cơ sở đào tạo trong nước. Sau khóa học này, sẽ chọn những học viên có năng lực để tham gia chương trình đào tạo TITP tại Nhật Bản. Kết thúc khóa đào tạo, các lao động sẽ trở về Việt Nam tham gia tích cực vào các hoạt động của ngành Xây dựng.

Với quan điểm của Đảng và Chính phủ Việt

Nam: “Việt Nam mong muốn làm bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”, và chủ trương của Bộ Xây dựng là: “Đa dạng về hình thức, đa phương về nguồn để tranh thủ mọi nguồn vốn, phát huy mọi khả năng, kết hợp giữa nội lực và ngoại lực”, Hội thảo thực sự đã làm tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau cũng như tạo ra sự gắn kết chặt chẽ và bền vững giữa ngành Xây dựng Việt Nam và Nhật Bản trong công tác chuyên môn cũng như công tác thực hiện các chính sách pháp luật. Sự giao lưu về ý tưởng, sự hợp tác giữa các nhà chuyên môn, các doanh nghiệp về xây dựng trong nước cũng như ngoài nước sẽ có tác động tích cực đến việc đổi mới của ngành Xây dựng Việt Nam trong bối cảnh đầy thử thách hiện nay.

Kim Nhật

## **Gợi ý về phương pháp xử lý ô nhiễm môi trường của Nhật Bản**

Công tác xử lý và bảo vệ môi trường của Nhật Bản đã được thực hiện và trải qua cả một quá trình dài. Từ những năm 1950 đến đầu thập niên 1960, ngay sau Thế chiến II, mục tiêu khôi phục kinh tế đã được Chính phủ Nhật Bản đặt vào vị trí ưu tiên hàng đầu. Do mục tiêu nhanh chóng phát triển kinh tế, một mặt ý thức bảo vệ môi trường của người dân còn yếu, nên ngay từ các khu công nghiệp tập trung đã trực tiếp tạo ra những nguy cơ ô nhiễm gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới đời sống và sức khỏe của con người. Vấn đề nổi cộm gây ảnh hưởng tới con người là ô nhiễm không khí, khí thải SO<sub>2</sub> ngày một nhiều, số lượng bệnh nhân hen suyễn ngày càng tăng, nguồn nước ô nhiễm trầm trọng, hàm lượng thủy ngân trong nước cao...

Để đối phó với tình trạng trên, năm 1958, Chính phủ Nhật Bản đã xây dựng “Luật bảo vệ chất lượng nước công cộng” và “Luật xả nước thải tại các nhà máy”, đến năm 1962, Chính

Phủ Nhật Bản lại đề ra “Luật phát thải khói bụi”... Sau khi được ban hành, những Luật này đã chính thức mở đầu cho việc triển khai công tác bảo vệ môi trường một cách toàn diện ở Nhật Bản.

Giai đoạn 1960 - 1980 là giai đoạn nền kinh tế Nhật Bản tăng trưởng nhanh chóng, đồng thời vấn đề ô nhiễm cũng ngày càng được quan tâm nhiều hơn. Chính phủ Nhật Bản đã tăng cường công tác bảo vệ môi trường, đặc biệt là chú trọng tới việc đưa ra các quy định về môi trường, nhấn mạnh các vấn đề liên quan tới việc thông qua luật, quy định để xử lý môi trường. Cũng trong thời gian này, Chính phủ đã đề ra một loạt các luật và quy định: “Các biện pháp chống ô nhiễm”, “Luật về phòng và chống ô nhiễm khí quyển”, “Quy định về tiếng ồn”, “Luật phòng và chống ô nhiễm nguồn nước”, “Luật phòng chống ô nhiễm nước biển”, “Luật phòng chống mùi” và “Luật bảo vệ môi trường



tự nhiên"... , cơ bản đã hình thành một hệ thống các luật và quy định về bảo vệ môi trường. Mặt khác chính phủ Nhật Bản vẫn không ngừng tăng cường công tác quản lý môi trường, thậm chí họ còn thiết lập "Đội chuyên trách quản lý phòng chống ô nhiễm môi trường chung".

Cùng với các luật và quy định được ban hành, nhiều doanh nghiệp lớn tại Nhật Bản cũng không ngừng đầu tư các thiết bị bảo vệ môi trường, công tác xử lý môi trường bước đầu đã đạt những thành quả. Đến cuối thập niên 1970, vấn đề liên quan tới ô nhiễm môi trường chung cơ bản đã được xử lý. Tuy nhiên, với nguy cơ khủng hoảng dầu mỏ bùng phát lần 2, cũng như việc tăng trưởng kinh tế bị trì trệ, các doanh nghiệp phải đối mặt với những thử thách mới, đồng thời công tác xử lý môi trường cũng xuất hiện những vấn đề mới, vấn đề về tài nguyên và sự nóng lên của toàn cầu đã trở thành vấn đề quan tâm phổ biến của người dân Nhật Bản về môi trường chung. Năm 1972, Chính phủ Nhật Bản đã đề ra "Luật Tiết kiệm năng lượng", xuất phát từ đây, ngành Công nghiệp Giấy của Nhật Bản, thông qua việc phát triển và kiểm soát ô nhiễm, cũng chuyển đổi thành ngành công nghiệp xanh thân thiện với môi trường.

Chính phủ Nhật Bản nhận định rằng giải quyết các vấn đề về môi trường là chìa khóa để các chính sách đạt hiệu quả khi thực hiện. Nhìn lại quy trình bảo vệ môi trường của Nhật Bản có thể thấy, trong quá trình công nghiệp hóa nhanh chóng, nước này chưa có nhận thức đúng đắn về vấn đề ô nhiễm môi trường, nên đã phải trả giá đắt; nếu như sớm quan tâm về vấn đề này, chắc chắn cái giá phải trả sẽ nhỏ hơn. Trong quá trình giải quyết vấn đề về môi trường, Chính phủ Nhật Bản đã không đưa ra những biện pháp cưỡng chế đối với các doanh nghiệp, đồng thời cũng không đưa ra những tiêu chuẩn bắt buộc các doanh nghiệp phải đạt được, càng không có những chỉ tiêu về xử lý, mà chỉ đơn thuần hướng dẫn các doanh nghiệp

tiến hành bảo vệ môi trường thông qua việc công bố mục tiêu kiểm soát ô nhiễm đến toàn xã hội, thông qua diễn biến của thị trường, mức giá năng lượng... kiểm soát hành vi bảo vệ môi trường của doanh nghiệp, giảm ô nhiễm môi trường. Đối với vấn đề ô nhiễm công nghiệp, chủ yếu là ô nhiễm khí thải và nước thải công nghiệp, biện pháp giải quyết chủ yếu là thông qua các quy định pháp lý và biện pháp kinh tế để giải quyết, yêu cầu các nhà máy giảm lượng phát thải, nếu không sẽ áp dụng các mức phạt tiền để xử lý. Đối với các nhà máy sản xuất đang trong quá trình nghiên cứu biện pháp bảo vệ môi trường, đầu tư thiết bị xử lý môi trường, Chính phủ sẽ hỗ trợ một khoản tiền nhất định, doanh nghiệp phải căn cứ vào tình hình sản xuất để đề xuất những vấn đề liên quan tới môi trường, phải tự tổ chức nghiên cứu và giải quyết những vấn đề về môi trường.

Chính phủ Nhật Bản luôn thúc đẩy mở rộng và khuyến khích việc sử dụng những sản phẩm thân thiện với môi trường, ở Nhật Bản, nếu doanh nghiệp nào không quan tâm đến bảo vệ môi trường, sẽ bị người tiêu dùng tẩy chay, hiển nhiên những sản phẩm mà doanh nghiệp đó sản xuất ra sẽ tự bị đào thải khỏi thị trường, như vậy có thể nói, việc bảo vệ môi trường không chỉ là trách nhiệm của Chính phủ, mà còn là yêu cầu của thị trường. Chính phủ và người dân cùng nỗ lực đấu tranh, buộc các doanh nghiệp phải cố gắng trong công tác bảo vệ môi trường. Vấn đề ô nhiễm công nghiệp tại Nhật Bản đã dần được giải quyết từ những năm 60 - 70 của thế kỷ XX, đến năm 1980, vấn đề ô nhiễm công nghiệp đã được kiểm soát có hiệu quả.

Đến nay, Nhật Bản đang khám phá ra con đường bảo vệ môi trường phù hợp với các doanh nghiệp trong tương lai. Họ đã đề xuất, những doanh nghiệp tiên tiến trong tương lai cố gắng tìm ra con đường mới giảm sử dụng nguồn tài nguyên, giảm gánh nặng về môi trường, phát triển nguồn năng lượng mới. Doanh nghiệp phải tiếp cận với nguồn tài nguyên đất,

tận dụng nguồn tài nguyên trong khu vực, tổ chức sản xuất, tăng cơ hội việc làm cho người dân tại địa phương, hình thành nên doanh nghiệp có mô hình phát triển mới. Nói cách khác, những doanh nghiệp tiên tiến trong tương lai phải phát triển kinh tế, tiết kiệm nguồn năng lượng và giảm gánh nặng về môi trường, để đạt được trạng thái cân bằng mới.

Để ứng phó với cuộc khủng hoảng năng lượng truyền thống, Chính phủ Nhật Bản đã không ngừng mở rộng nghiên cứu về năng lượng mới hydrogen, năng lượng sinh khối..., phần đầu trong thế kỷ 21 dựa trên việc sử dụng năng lượng sinh khối có những bước phát triển mới, mục tiêu cho việc tiêu thụ năng lượng sẽ là từ năng lượng hóa thạch dưới lòng đất chuyển hóa thành năng lượng sinh khối trên mặt đất, tạo thành một chu trình phát triển năng lượng tuần hoàn.

Trong quá trình giải quyết vấn đề ô nhiễm công nghiệp, Nhật Bản luôn chú ý tới những mặt hạn chế trong thị trường đối với người tiêu dùng, trong toàn xã hội đã hình thành quan niệm "sử dụng sản phẩm xanh thân thiện với môi trường. Ngoài ra, để thực sự giải quyết được vấn đề ô nhiễm sinh hoạt, cần có sự phối

hợp và hỗ trợ tích cực của người tiêu dùng, cuộc sống của người dân cần hướng tới xu thế văn minh, có lợi cho việc bảo vệ môi trường. Ngày nay ở Nhật Bản, việc phân loại rác thải đã trở thành hành động rất bình thường của người dân, chính việc làm này đã tạo ra điều kiện tốt để xử lý rác thải

Chính phủ Nhật Bản vẫn không ngừng nghiên cứu quy hoạch môi trường, thông qua các chính sách pháp luật, hướng dẫn cho người dân ý thức bảo vệ môi trường, đồng thời Chính phủ Nhật Bản luôn vận động, thúc đẩy mạnh mẽ người dân cần có lối sống lành mạnh, đổi mới tư tưởng trong việc sử dụng những sản phẩm thân thiện, tẩy chay những sản phẩm gây hại tới môi trường, từ đó sẽ nâng cao ý thức của các doanh nghiệp về việc bảo vệ môi trường.

Ngày nay, đất nước Nhật Bản có một môi trường sống tốt, không khí trong lành, non xanh nước biếc, đô thị sạch đẹp, tất cả những điều này đã thể hiện thành quả to lớn của Nhật Bản trong công tác bảo vệ môi trường.

*Nguồn: <http://www.china.com.cn>*

**ND: Bích Ngọc**

## **Năm vấn đề lớn phải đối mặt trong quản lý tai họa tại thành phố của Trung Quốc**

Thành phố là trọng điểm trong phòng chống tai họa của con người, tăng cường quản lý tai họa tại thành phố, nâng cao trình độ quản lý giảm nhẹ tai họa là sự đảm bảo cần thiết cho sự phát triển bền vững của thành phố và cả nước. Trung Quốc có trên 70% thành phố phân bố tại các khu vực hay phát sinh thiên tai, cùng với sự phát triển nhanh chóng và bền vững của nền kinh tế và sự gia tăng trong tiến trình đô thị hóa, những tổn thất và ảnh hưởng do tai họa gây ra cũng ngày càng nhiều. Tăng cường quản lý giảm nhẹ tai họa tổng hợp, xây dựng khoa học cơ chế quản lý tai họa thành phố là một nhiệm

vụ cấp bách và quan trọng. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều vấn đề tồn tại trong công tác quản lý tai họa tại các thành phố của Trung Quốc.

### **1. Mô hình quản lý tai họa thành phố và quy mô thành phố mở rộng nhanh chóng không tương ứng nhau**

Trung Quốc đã trở thành một trong những quốc gia có nền kinh tế phát triển nhanh nhất toàn cầu, cùng với sự phát triển với tốc độ cao của nền kinh tế, các hiểm họa, nguy cơ cũng đang không ngừng gia tăng, nhân tố gây tai họa vốn có và nguồn gây tai họa không ngừng lan rộng và phát triển, các loại tai họa mới và

nguồn gây tai họa không ngừng phát sinh. Ngoài ra, nhiều thành phố đang mở rộng nhanh chóng về quy mô, cho dù là kết cấu nội tại của thành phố hay là hình thái bên ngoài đều đang trở nên càng ngày càng phức tạp, nhưng trong mô hình quản lý tai họa vốn có, quan hệ quyền hạn và trách nhiệm giữa các cơ quan không cân đối, dẫn tới quan hệ qua lại giữa các cơ quan quản lý tai họa khẩn cấp còn mơ hồ, ai cũng có trách nhiệm, ai cũng có quyền phụ trách, kết quả là ai cũng đều làm không tốt.

## **2. Hệ thống pháp luật quản lý tai họa thành phố không hoàn thiện**

Hiện tại, các văn bản pháp luật và các quy định pháp luật liên quan tới quản lý tai họa trong thành phố chủ yếu phân tán tại các luật, quy định pháp luật và điều lệ. Trung Quốc đã lần lượt ban bố và thực thi hơn 30 luật và quy định pháp luật có liên quan đến giảm trừ tai họa, trong đó “Luật Bảo tồn đất và nước”, “Luật Phòng chống động đất và giảm nhẹ tai họa”, “Luật Phòng chống lũ lụt”, “Luật Khí tượng”, “Luật Bảo vệ môi trường”..., nâng cao trình độ pháp chế hóa trong quản lý tai họa, đồng thời có tác dụng quy phạm đối với công tác phòng chống và giảm nhẹ tai họa. Tuy nhiên, hệ thống luật và quy định pháp luật về phòng chống tai họa của Trung Quốc còn rất nhiều chỗ chưa đầy đủ: Trong hệ thống quy định pháp luật thiếu các quy định cơ bản trong chỉ đạo tổng hợp công tác phòng chống và giảm nhẹ tai họa toàn cục, đặc biệt, vẫn chưa có một bộ luật cơ bản về quản lý tai họa mang tính tổng hợp, khiến cho việc thực thi các quyết sách lớn về phòng chống tai họa tổng hợp cho đến nay vẫn thiếu những căn cứ pháp luật. Mặc dù, ngày 01/11/2007, Trung Quốc đã thực thi “Luật Ứng phó các sự vụ khẩn cấp” (đây là bộ luật đầu tiên của Trung Quốc hiện đại về ứng phó các trường hợp khẩn cấp) với mục đích dự phòng và giảm nhẹ việc phát sinh các trường hợp khẩn cấp, kiểm soát, giảm nhẹ và loại trừ những nguy hại nghiêm trọng cho xã hội bị gây ra bởi những

trường hợp bất ngờ, quy phạm các hoạt động ứng phó với tai họa khẩn cấp. Tuy nhiên, trên thực tế, rất nhiều tai họa không phải “bỗng nhiên phát sinh” mà nó xảy ra một cách chậm rãi nhưng lại gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng. Nhìn một cách tổng thể, pháp luật hiện hành về quản lý tai họa tại thành phố của Trung Quốc còn tồn tại rất nhiều vấn đề: *Một là*, tình trạng phân tán, đa dạng của pháp luật vẫn tồn tại; *Hai là*, các quy định pháp luật được đưa ra trong bối cảnh khác nhau, thời kỳ khác nhau, cơ quan khác nhau đã làm thiếu đi tính chỉnh thể, tạo mâu thuẫn, trùng lặp trong các quy định và không hài hòa trong việc thi hành; *Ba là*, trong lĩnh vực phòng chống và giảm nhẹ tai họa có rất nhiều vấn đề cần điều chỉnh về mặt pháp luật, phải dùng chính sách và biện pháp hành chính để thay thế chức năng pháp luật.

## **3. Các khâu giảm nhẹ tai họa không hài hòa với quá trình chỉnh thể**

Sáu khâu lớn trong công tác giảm nhẹ tai họa là trắc định, báo cáo, phòng, chống, cứu trợ, giúp đỡ đã cấu thành hệ thống trong quá trình giảm nhẹ tai họa, chỉ có xem xét một cách thống nhất các khâu thì mới có thể hình thành nên hợp lực, thực hiện giảm nhẹ tai họa có hiệu quả và tối ưu nhất. Tuy nhiên, hầu như các thành phố lâu nay đều coi trọng cứu trợ mà xem nhẹ công tác phòng chống, về mặt đầu tư vật chất và nguồn lực con người cho giảm nhẹ tai họa cũng xuất hiện cục diện bất hài hòa. Xét về khâu cứu trợ sau tai họa, tuy Chính quyền thành phố đều khá coi trọng khâu này thông qua các con đường như cứu tế... và nó đã có tác dụng quan trọng đối với quần chúng nhân dân đang phải gánh chịu tai họa nhưng công tác xã hội hóa, doanh nghiệp hóa trong bảo đảm về tai họa lại cực kỳ lạc hậu so với nhu cầu thực tế trong công tác cứu trợ sau tai họa, đặc biệt là sự can thiệp của ngành bảo hiểm còn rất ít ỏi. Cách làm phổ biến sau khi vượt qua tai họa của các Chính quyền địa phương là phê bình và biểu dương thay vì giáo dục, tổng kết

những kinh nghiệm, phương pháp xử lý tai họa, tổng hợp nguyên nhân và trạng thái phát triển tai họa, không đưa ra được những ý kiến cải tiến về bố trí cơ cấu, cơ chế vận hành và phương pháp quản lý để thúc đẩy đổi mới quản lý giảm nhẹ thiên tai tại thành phố.

#### **4. Chưa có sự giao lưu kết nối giữa Chính quyền và quần chúng trong quản lý tai họa thành phố**

Hiện tại, trong quá trình quản lý tai họa thành phố không ít Chính quyền thành phố còn tồn tại các vấn đề như kết nối không thông suốt, kết nối không triệt để, thông tin không đối xứng... giữa Chính quyền và quần chúng nhân dân. Công chúng thành phố không biết, cũng không có kênh thông tin nào cho biết các nhà quản lý đang nghĩ gì, làm gì; còn các nhà quản lý cũng không hề biết những ý kiến và hy vọng của quần chúng nhân dân về quản lý tai họa trong thành phố. Có thể nói, một nguyên nhân quan trọng khiến cho tính tích cực của quần chúng nhân dân trong công tác quản lý tai họa

thành phố không cao là do chưa có sự kết nối sâu sắc giữa Chính quyền và quần chúng.

#### **5. Thiếu hệ thống quyết sách chỉ huy khẩn cấp tai họa tại thành phố**

Hiện tại, Trung Quốc có khoảng hơn 20 trung tâm khẩn cấp về trình báo cứu trợ quần chúng thường nhật như Công an 110, Phòng cháy chữa cháy 119, Quản lý giao thông 122, Cấp cứu 120... Phần lớn các trung tâm này được phân chia theo ngành, cho dù ở mặt chủ thể quản lý, mặt chủ thể thi hành hay về mặt nội dung phục vụ thì đều độc lập với nhau, không thống nhất. Hiện tượng "nhiều trung tâm chỉ huy" trong công tác cứu trợ tại họa khẩn cấp đã từng xảy ra và luôn làm chậm trễ tới tiến độ cứu trợ cứu nạn.

**Lưu Cẩm**

*TC Xây dựng đô thị và nông thôn TQ,*

*số 9/2012*

**ND: Kim Nhạn**

## **Chính sách kiểm soát thị trường bất động sản của Trung Quốc**

Kết thúc hai ngày họp tại Bắc Kinh, chiều 16/12/2012, Hội nghị Công tác Kinh tế trung ương đã công bố báo cáo tổng kết công tác kinh tế của Trung Quốc năm 2012 và triển khai công tác phát triển kinh tế năm 2013. Báo cáo khẳng định Trung Quốc sẽ tiến hành cải tổ sâu rộng hệ thống kinh tế, thúc đẩy nhu cầu nội địa như một nhiệm vụ chiến lược, tiếp tục chính sách kiểm soát thị trường bất động sản, khuyến khích đầu tư cả khu vực nhà nước lẫn tư nhân và cam kết bảo vệ lợi ích của các nhà đầu tư nước ngoài.

Liên quan tới vấn đề kiểm soát thị trường bất động sản, Hội nghị cho rằng, năm tới tình hình kinh tế thế giới vẫn còn phức tạp, sự tăng trưởng chậm chạp của nền kinh tế thế giới sẽ còn tiếp tục, tình hình lạm phát và tài sản bong

bóng cũng gia tăng, nên năm tới vẫn tiếp tục duy trì chính sách kiểm soát thị trường bất động sản, tuy nhiên tại Hội nghị cũng có những ý kiến trái chiều, không đồng tình với định hướng này.

Ông Đồng Trọng Duyệt - Phó Chủ tịch Hiệp hội Nghiên cứu bất động sản Trung Quốc không đồng tình với những quan điểm đề xuất nói lỏng chính sách kiểm soát Bất động sản. Phía Trung ương cũng có quyết tâm lớn đối với việc kiểm soát bất động sản, nên sẽ không có chuyện thay đổi chính sách kiểm soát thị trường này. Trong tương lai, tỷ lệ lợi nhuận của ngành công nghiệp Bất động sản có thể tiếp cận với mức lợi nhuận trung bình của xã hội và phải duy trì nhất quán với thị trường bất động sản của các quốc gia khác trên thế giới. Hơn nữa, Ngành công nghiệp bất động sản rất dễ trở

thành tài sản bong bóng, mà trong thời gian ngắn bong bóng khó mà xẹp đi, một ngày nào đó nếu bong bóng bị vỡ, thì thiệt hại đối với nền kinh tế quốc dân là rất lớn, trên thế giới nhiều quốc gia đã phải đối mặt với thực trạng này, Trung Quốc không phải là ngoại lệ. Sau hơn 1 năm chịu sự kiểm soát, trước mắt tình trạng đầu cơ bất động sản trong nước đã được kiểm soát, nếu không được kiểm soát, năm nay giá nhà ở có thể sẽ tăng cao như những năm trước đây.

Để kiểm soát giá nhà tại một số thành phố tăng quá cao, ngày 17/4/2010, Quốc Vụ viện đã ra thông báo có tên gọi “10 điều làm mới đất nước” (văn kiện số 10) liên quan tới việc kiên quyết kìm hãm giá nhà tại một số thành phố, nội dung cụ thể của thông báo đó là: Thống nhất tư tưởng, nâng cao nhận thức; Thiết lập cơ chế đánh giá trách nhiệm; Thực hiện chặt chẽ chính sách phân biệt các loại tín dụng nhà ở; Phát huy Chính sách thuế nhằm điều tiết đối với việc tiêu thụ nhà ở và khoản thu nhập từ bất động sản; Tăng cường hiệu quả cung ứng đất thổ cư; Điều chỉnh cơ cấu nguồn cung ứng nhà ở; Đảm bảo trong năm 2010 hoàn thành việc xây dựng 3 triệu căn nhà ở giá rẻ, cải tạo 2,8 triệu căn nhà ở khu ổ chuột; Tăng cường giám sát quản lý đối với việc mua đất và vấn đề tài chính của doanh nghiệp phát triển bất động sản; Tăng cường quản lý giám sát trình tự giao dịch; Hoàn thiện hệ thống công bố thông tin thị trường bất động sản.

Nội dung của Thông báo cũng yêu cầu các cơ quan hữu quan thuộc Quốc Vụ viện phải căn cứ theo thông báo này, điều chỉnh và hoàn thiện chính sách kiểm soát thị trường bất động sản. Những bộ phận quản lý trong chức năng và nhiệm vụ được giao phải tăng cường chỉ đạo và quản lý giám sát các địa phương. Các khu vực, cơ quan hữu quan phải tích cực phải làm tốt công tác tuyên truyền chính sách kiểm soát thị trường bất động sản. Các phương tiện truyền thông phải tăng cường trực tiếp hướng dẫn, tuyên truyền mạnh mẽ chính sách kiểm soát thị

trường bất động sản của Chính phủ và đảm bảo hiệu quả xây dựng nhà ở giá rẻ, hướng dẫn người dân tiêu thụ nhà ở hợp lý, xây dựng một thị trường bất động sản phát triển bền vững.

Sau khi Thông báo của Quốc Vụ viện được đưa ra, thị trường bất động sản đã có những chuyển biến tích cực, mức giá nhà tăng cao bước đầu đã được kìm hãm. Để củng cố và mở rộng hiệu quả kiểm soát, từng bước làm tốt công tác kiểm soát thị trường bất động sản và giải quyết những vấn đề về nhà ở cho người dân đô thị, thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển bền vững, được sự nhất trí của Quốc Vụ viện, năm 2011, Văn phòng Quốc Vụ Viện tiếp tục đưa ra thông báo có tên gọi “8 điều làm mới đất nước” nhằm từng bước hoàn thiện công tác kiểm soát thị trường bất động sản. Nội dung Thông báo gồm 8 phần, đó là:

*Thứ nhất*, chính quyền địa phương phải có trách nhiệm thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển bền vững, nghiêm chỉnh chấp hành theo văn kiện số 10 và các chính sách đồng bộ có liên quan, kiểm soát giá nhà ở mức hợp lý. Năm 2011, Chính quyền các thành phố phải xác định mục tiêu kiểm soát giá nhà xây mới hàng năm tại khu vực của mình, đồng thời trong quý I hàng năm phải công bố mức giá chính thức. Các địa phương phải tiếp tục tăng cường nguồn cung ứng đất hiệu quả, tăng cường hơn nữa việc xây dựng nhà ở phổ thông; nghiêm túc hoàn thiện chính sách tín dụng nhà ở và chính sách thuế, từng bước nâng cao hiệu quả hạn chế đối tượng đầu cơ; nhanh chóng xây dựng hệ thống thông tin cá nhân về nhà ở, từng bước hoàn thiện cơ sở dữ liệu thống kê bất động sản; Tiếp tục thực hiện tốt công tác đảm bảo nhà ở, đảm bảo mục tiêu và nhiệm vụ xây dựng nhà ở giá rẻ và cải tạo khu nhà ổ chuột. *Thứ 2*, năm 2011, cả nước đã thực hiện công tác xây dựng nhà ở giá rẻ và cải tạo nhà ở khu ổ chuột (10 triệu căn). Các địa phương phải thông qua phương thức xây mới, cải tạo, mua thuê dài hạn, tập trung nguồn nhà ở giá rẻ, từng bước



mở rộng hệ thống nhà ở giá rẻ. Chính quyền Trung ương sẽ tăng cường hỗ trợ việc xây dựng dự án nhà ở giá rẻ. Chính quyền các địa phương phải đảm bảo các chính sách về việc cung ứng đất, vốn đầu tư và thuế ưu đãi, hướng dẫn các doanh nghiệp phát triển bất động sản tích cực tham gia vào công tác xây dựng nhà ở giá rẻ và cải tạo khu nhà ở chuột, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch. Tăng cường đảm bảo công tác quản lý nhà ở giá rẻ, kiện toàn cơ chế xuất nhập, thực hiện công khai, công bằng, chính trực. Tăng cường cung ứng nhà ở cho thuê công cộng. Đồng thời, các địa phương cũng phải tăng cường đầu tư, hoàn thiện cơ chế thể chế, sử dụng đất cung ứng, hỗ trợ đầu tư, có các chính sách ưu đãi về thuế, tài chính hoặc rót vốn..., xác định hợp lý mức tiền thuê, thu hút các nhà đầu tư tham gia vào hoạt động xây dựng nhà ở cho thuê công cộng. Khuyến khích các tổ chức tài chính cấp khoản vay dài hạn đối với các hoạt động xây dựng nhà ở cho thuê công cộng. Nghiên cứu xây dựng chính sách ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp phát triển bất động sản xây dựng một tỷ lệ nhà ở cho thuê công cộng nhất định trong dự án xây dựng nhà ở thương phẩm phổ thông, đồng thời có thể giữ, kinh doanh hoặc Chính phủ sẽ mua lại. *Thứ 3*, Điều chỉnh chính sách thuế kinh doanh đối với cá nhân chuyển nhượng nhà ở, đối với cá nhân mua nhà chưa đủ 5 năm đã thực hiện giao dịch bán, thống nhất sẽ thu thuế dựa trên toàn bộ mức thu nhập có được thông qua việc bán nhà. Cục thuế phải thực hiện theo biện pháp này, đảm bảo quán triệt việc thực hiện chính sách. Tăng cường giám sát và kiểm tra tình hình quản lý việc thu thuế đất giá trị gia tăng, tập trung vào việc dự án phát triển bất động sản định giá vượt quá mức giá nhà ở xung quanh, tiến hành thanh toán và thanh tra thuế đất giá trị gia tăng. Tăng cường ứng dụng kỹ thuật đánh giá bất động sản, kiên quyết không tạo kẽ hở trốn thuế cho những “Hợp đồng âm dương” (Hợp đồng âm

dương là loại hợp đồng có cùng chung một nội dung và được hai bên ký kết với nhau, nhưng loại hợp đồng này lại được chia làm 2 bộ, 1 bộ là có nội dung thỏa thuận chính thức của cả hai bên, còn 1 bộ có nội dung không như hai bên đã thỏa thuận, bộ hợp đồng này dùng để trốn thuế. Nhìn chung đây là loại hợp đồng vi phạm pháp luật, thông qua hợp đồng này hai bên cùng có lợi, nhưng cũng dễ đối mặt với rủi ro), nghiêm chỉnh chấp hành chính sách thuế thu nhập đối với cá nhân chuyển nhượng bất động sản. *Thứ 4*, đối với các khoản vay dùng để mua căn nhà thứ 2 của các hộ gia đình, tỷ lệ thanh toán lần 1 không dưới 60%, tỷ lệ lãi suất cho vay không thấp hơn 1,1 lần tỷ lệ lãi suất cơ bản. Tất cả chi nhánh của Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (Ngân hàng Trung ương) phải căn cứ vào mục tiêu và chính sách kiểm soát giá nhà xây mới của Chính quyền địa phương mà đưa ra yêu cầu, trên cơ sở chính sách tín dụng thống nhất của Quốc gia, nâng cao tỷ lệ thanh toán lần 1 và tỷ lệ lãi suất cho vay mua nhà ở thứ 2. Cơ quan quản lý giám sát Ngành Ngân hàng phải tăng cường giám sát kiểm tra tình hình chấp hành chính sách tín dụng nhà ở khác nhau tại các ngân hàng thương mại, với các hành vi vi phạm phải nghiêm khắc xử lý. *Thứ 5*, các địa phương phải tăng cường cung ứng đất có hiệu quả, thực sự đảm bảo yêu cầu về nhà ở giá rẻ, cải tạo khu nhà ở chuột và việc sử dụng đất xây dựng nhà ở thương phẩm phổ thông mô hình vừa và nhỏ không được thấp hơn 70% tổng lượng đất cung ứng xây dựng nhà ở. Trong kế hoạch dùng đất để xây dựng mới hàng năm, nhất thiết phải bao gồm việc sử dụng đất xây dựng nhà ở giá rẻ. Trên nguyên tắc, tổng lượng đất cung ứng xây dựng nhà ở thương phẩm của kế hoạch năm nay không được thấp hơn lượng cung ứng thực tế bình quân hàng năm của 2 năm trước. Những thành phố có giá nhà cao phải tăng cường giới hạn lượng đất cung ứng xây dựng nhà ở thương phẩm. Tăng cường kiểm tra năng lực tiêu chuẩn

và nguồn vốn đối với các doanh nghiệp tham gia vào thị trường đất. Những cá nhân hoặc đơn vị tham gia mua đất theo hình thức đấu thầu, nhất thiết phải làm rõ nguồn tài chính và đồng thời phải có cơ sở chứng minh. Đối với trường hợp tự ý thay đổi tính chất đất sử dụng xây dựng nhà ở giá rẻ, phải sửa chữa và nghiêm trị. Đối với trường hợp đã cung ứng đất sử dụng vào mục đích xây dựng, nhưng hơn 2 năm chưa có giấy phép xây dựng để có thể tiến hành khởi công xây dựng, nhất thiết phải kịp thời tước lại quyền sử dụng đất, đồng thời phạt tiền đất để nhàn rỗi tính từ thời điểm 1 năm trở lên. Căn cứ vào pháp luật, kiểm tra và xử lý các hành vi chuyển nhượng quyền sử dụng đất bất hợp pháp, đối với mức đầu tư xây dựng phát triển bất động sản không đạt trên 25% (không bao gồm giá đất), không được quyền chuyển nhượng hay ký hợp đồng dự án phát triển bất động sản dưới bất kỳ hình thức nào. *Thứ 6*, đối với các thành phố trực thuộc Trung ương, đô thị quy hoạch riêng biệt, thành phố là thủ phủ của tỉnh và những thành phố có giá nhà quá cao, tăng quá nhanh, trong khoảng thời gian nhất định, phải nghiêm chỉnh chấp hành theo biện pháp hạn chế mua nhà ở. Về nguyên tắc, đối với các hộ gia đình cư trú tại địa phương sở hữu 1 nhà ở hoặc những hộ gia đình không thường trú tại địa phương có thể cung cấp giấy chứng nhận thuế của địa phương trong một số năm nhất định hoặc giấy chứng nhận đóng bảo hiểm y tế, hạn mức được mua 1 căn nhà; đối với những hộ gia đình cư trú tại địa phương sở hữu 2 căn nhà, những hộ gia đình không thường trú tại địa phương sở hữu hơn 1 căn nhà trở lên, những hộ gia đình không thường trú tại địa phương và không thể cung cấp giấy chứng nhận thuế của địa phương trong một số năm nhất định hoặc giấy chứng nhận đóng bảo hiểm y tế, phải tạm dừng việc bán trong khu vực hành chính đó. Những thành phố được chọn áp dụng theo biện pháp hạn chế mua nhà, khu vực nào không thực hiện phù hợp với thông báo,

phải lập tức điều chỉnh và cải thiện các quy tắc thực hiện có liên quan, đồng thời tăng cường công tác thẩm tra đối với người mua có đủ điều kiện, đảm bảo thực hiện tốt nội dung chính sách đề ra. Những thành phố trực thuộc Trung ương, đô thị quy hoạch riêng biệt, thành phố là thủ phủ của tỉnh và những thành phố có giá nhà quá cao, tăng quá nhanh không được chọn áp dụng theo biện pháp hạn chế mua nhà, căn cứ vào tình hình thị trường bất động sản trong khu vực mà thực hiện phù hợp với biện pháp hạn chế mua nhà đã nêu ở trên. *Thứ 7*, các cơ quan có liên quan thuộc Quốc Vụ viện phải tăng cường giám sát và kiểm tra về công tác đảm bảo nhà ở và bình ổn giá nhà đối với các Chính quyền thành phố. Nếu xuất hiện các hiện tượng mức giá nhà xây mới tăng cao và giá sàn chuyển nhượng đất vượt qua cả mức giá cao nhất trong lịch sử trước đây, cũng như là chậm tiến độ xây dựng các dự án nhà ở giá rẻ, không đạt hiệu quả trong công tác quản lý giám sát thuê bán và sử dụng, Bộ Xây dựng, Bộ Đất đai và Tài Nguyên, Bộ Giám sát phải phối hợp với các cơ quan có liên quan, chất vấn người phụ trách chính quyền nhân dân cấp Tỉnh và các thành phố có liên quan. Đối với việc chưa xác định được thời gian, mục tiêu kiểm soát giá nhà xây mới tăng cao so với hàng năm, chưa hoàn thành nhiệm vụ mục tiêu xây dựng nhà ở giá rẻ, chính quyền tỉnh phải báo cáo với Quốc Vụ viện. Bộ Giám sát, Bộ Xây dựng... phải xem xét tình hình, căn cứ vào quy định và người chịu trách nhiệm có liên quan, tiến hành chất vấn về trách nhiệm. Đối với việc chưa quán triệt chấp hành chính sách tín dụng nhà ở khác nhau, chính sách thuế, chưa đạt hiệu quả trong công tác quản lý thu thuế có liên quan tới bất động sản, cũng như vấn đề yếu kém trong công tác xây dựng hệ thống thông tin cá nhân về nhà ở, cũng phải chất vấn về phạm vi trách nhiệm. Căn cứ theo những quy định trên, thiết lập kiện toàn hệ thống chất vấn việc đảm bảo nhà ở giá rẻ và bình ổn giá nhà tại các đô thị trực thuộc

Trung ương. Thứ 8, các phương tiện truyền thông phải tăng cường tuyên truyền các địa phương có phương pháp và kinh nghiệm trong công tác đảm bảo nhà ở giá rẻ và bình ổn giá, giải thích cặn kẽ về chính sách, hướng dẫn người dân tiêu thụ nhà ở phù hợp với điều kiện quốc gia, thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển bền vững và đẩy nhanh việc xây dựng hệ thống nhà ở giá rẻ, ngăn chặn những thông tin sai lệch về tình hình bất động sản hoặc phỏng đoán vô căn cứ, bình luận gây hiểu nhầm cho người dân. Đối với việc truyền bá thông tin sai lệch, căn cứ theo quy định của pháp luật sẽ truy cứu trách nhiệm những người có liên quan.

Tại Hội nghị Công tác Kinh tế trung ương, ông Nhiệm Lợi - Phó tổng Giám đốc Công ty môi giới Syswin Bắc Kinh nhận định: Trong tương lai, chính sách kiểm soát bất động sản cũng không thể nghiêm ngặt hơn do nền kinh tế trong nước chưa phục hồi. Phát triển bền vững kinh tế là công việc chính mà Chính phủ cần làm, mà trong giai đoạn này, bất động sản vẫn

là một khía cạnh quan trọng để kích thích tăng trưởng kinh tế, nên không thể để thị trường bất động sản ngã gục được. Ông cho rằng trong giai đoạn này phải củng cố lại chính sách, không nên đưa ra những chính sách nghiêm ngặt hơn. Tuy nhiên, nếu chính sách kiểm soát hiện nay chưa khoa học, thì về sau có thể sẽ từng bước cải thiện.

Nhìn chung, về chính sách kiểm soát thị trường bất động sản, Trung Quốc sẽ tiếp tục mở rộng xây dựng và quản lý nhà ở cho người thu nhập thấp, cải tạo những khu chung cư xuống cấp, khu nhà ổ chuột, thực hiện một loạt biện pháp nhằm hỗ trợ thị trường bất động sản... Tuy nhiên, trước mắt, người dân cũng không nên kỳ vọng thị trường sẽ nhanh chóng nóng trở lại.

Nguồn: <http://chinadaily.com.cn>

<http://suzhou.anjuke.com>

ND: Bích Ngọc (Lược dịch)

## Vấn đề quản lý khu vực hóa tại các doanh nghiệp xây dựng Trung Quốc

Hiện nay việc nghiên cứu mô hình quản lý "Khu vực hóa" ở Trung Quốc vẫn chưa hình thành được một hệ thống lý luận và thực tiễn hoàn chỉnh. Trong khi không có sự hỗ trợ của lý luận thì vấn đề quan trọng đặt ra là làm thế nào để chọn lựa mô hình quản lý khu vực hóa cho phù hợp với chiến lược phát triển của đất nước.

Cùng với sự phát triển của cơ sở hạ tầng, bất động sản, xây dựng nhà ở ngày càng nhiều và quy mô phát triển của ngành xây dựng không ngừng mở rộng, quản lý khu vực hóa dần dần được các doanh nghiệp thi công xây dựng lớn của Trung Quốc coi trọng.

### 1. Quản lý Khu vực hóa là nhu cầu tất yếu để phát triển doanh nghiệp xây dựng

Trải qua nhiều năm cải cách mở cửa, nền kinh tế Trung Quốc phát triển nhanh chóng,

ngành xây dựng đã đạt được thành tựu to lớn trong công cuộc phát triển đất nước nhưng vẫn còn rất nhiều tồn tại. Thứ nhất, do tính chất đặc biệt của cơ cấu vận hành doanh nghiệp xây dựng, quy mô doanh nghiệp không ngừng được mở rộng kéo theo các cơ quan đơn vị ngày càng nhiều, áp lực quản lý doanh nghiệp ngày càng lớn nhưng ngược lại hiệu quả quản lý thì ngày càng kém. Thứ hai là cạnh tranh không lành mạnh trong nội bộ. Do các doanh nghiệp xây dựng thường áp dụng phương thức phát triển theo kiểu tập đoàn hóa, những đơn vị cấp dưới thì áp dụng đánh giá và hạch toán độc lập, do đó chưa thể hình thành được cơ chế điều chỉnh tổng thể cơ cấu nội bộ doanh nghiệp và cơ chế phân chia nguồn vốn. Việc giao lưu và hợp tác giữa các dự án hầu như ở trạng thái

đình trệ, ở một mức độ nào đó tạo nên sự lãng phí về nhân lực, vật liệu, máy móc công cụ... và tăng áp lực tài chính lên cả doanh nghiệp. Thứ ba là hạn chế trong phát triển nội địa hóa các chi nhánh của doanh nghiệp. Các công ty con của doanh nghiệp gặp phải hạn chế từ chính quy mô của mình, không nhận được điều kiện và các chính sách hỗ trợ của chính quyền địa phương, đặc biệt là trong quá trình mở rộng thị trường, các công ty con thường xuyên phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do có sự cạnh tranh từ các công ty nước ngoài khác, điều này đã hạn chế sự phát triển của doanh nghiệp xây dựng trong nước. Từ đó, các doanh nghiệp xây dựng lớn phải thực hiện được mục tiêu phát triển bền vững, giải quyết các vấn đề trong công tác quản lý Khu vực hóa.

## **2. Hiện trạng quản lý Khu vực hóa trong các doanh nghiệp xây dựng của Trung Quốc**

Do ảnh hưởng của lịch sử và cách thức quản lý truyền thống, tên tuổi các doanh nghiệp xây dựng lớn của Trung Quốc thường gắn với chữ “Trung”, ví dụ như: Đường sắt Trung Quốc, Xây dựng đường sắt Trung Quốc, Giao thông Trung Quốc, Xây Dựng Trung Quốc, tất cả hầu như đều áp dụng mô hình quản lý theo 4 cấp từ tổng công ty đến cục công trình/viện thiết kế đến công ty con đến giám đốc dự án. Về cơ bản, cục công trình và viện thiết kế là hai đơn vị được phân bố theo khu vực trên cả nước, phần lớn trụ sở làm việc được đặt ngay tại địa phương và là trung tâm để mở rộng quy mô doanh nghiệp, chính vì thế, việc phân công quản lý khu vực hóa được minh bạch và rõ ràng hơn. Hiện tại, mô hình quản lý doanh nghiệp xây dựng theo từng bộ phận chủ yếu là dựa vào tính chất nghiệp vụ theo từng lĩnh vực mà các bộ phận có liên quan phụ trách trong toàn tổng công ty, các đơn vị thuộc phân cấp dưới thì do bộ phận nghiệp vụ quản lý theo tính chất chuyên môn riêng. Tuy nhiên, trong điều kiện kinh tế thị trường, các cục công trình, viện nghiên cứu cấp dưới của tổng công ty đưa nhau cơ cấu lại thành

công ty TNHH tư nhân cổ phần để phối hợp cùng với sự phát triển mạnh mẽ của doanh nghiệp và căn cứ theo chiến lược phát triển của quốc gia, liên tục tăng số lượng dự án kí kết và phân bố khắp cả nước, chính vì thế việc quản lý theo khu vực càng trở nên cần thiết hơn. Ví dụ Tổng công ty Công trình xây dựng Trung Quốc thành lập 05 văn phòng tại Thượng Hải, Quảng Đông, Đông Bắc, Tây Bắc và Tây Nam để điều chỉnh quan hệ giữa các đơn vị, bắt đầu tìm hiểu con đường khu vực hóa. Công ty TNHH cổ phần Công trình đường hầm Thượng Hải, Công ty công trình Cát Châu Bá và các doanh nghiệp xây dựng có tiếng khác cũng bắt đầu tìm hiểu cách thức quản lý khu vực hóa.

Việc xây dựng cơ cấu điều chỉnh nội bộ trong phạm vi tập đoàn hay tổng công ty là một trong những cách thức quản lý khu vực hóa hiệu quả, ưu điểm của nó là trong điều kiện bố trí rõ ràng, vận hành công việc hiệu quả tại khu vực, thì có thể phát huy ưu thế khu vực, tận dụng triệt để tài nguyên khu vực. Dưới sự ủy quyền của tổng công ty, các công ty con tiến hành thực tế hóa công việc, trách nhiệm rõ ràng, phát huy năng lực phát triển và điều chỉnh quản lý cho phù hợp với khu vực. Chính vì điều này mà chi phí quản lý cho các cấp tăng, tổng công ty không đáp ứng đủ nhu cầu tài chính cho các cấp quản lý dưới.

Mô hình quản lý của các doanh nghiệp xây dựng cấp một như Công ty Thi công Bắc Kinh, Công ty Xây dựng Bắc Kinh, Công ty Thi công Thượng Hải, Công ty Xây dựng Thượng Hải... là: thông qua ba đơn vị quản lý là bộ phận hành chính, công ty con và bộ phận dự án để thực hiện quản lý hiệu quả các hạng mục công trình. Trong đó đại đa số các tổng công ty thì bộ phận hành chính mang tính thực thể phụ trách thực hiện tất cả các dự án lớn. Các công ty con được thành lập dựa vào phân chia hạng mục thi công theo dự án lớn, đồng thời theo nhu cầu mở rộng thị trường và thực tế thi công tại khu vực tiến hành dự án và cả khu vực lân cận.

Ưu thế của mô hình quản lý này là ở chỗ có thể tận dụng hiệu quả nguồn lực tài chính cũng như tên tuổi của tập đoàn hoặc tổng công ty, hiệu quả quản lý và năng lực thực thi mạnh, có thể dùng kinh phí đầu tư ít, thông qua việc tiếp nhận một hạng mục công trình lớn nào đó của một khu vực mà tác động đến thị trường của khu vực lân cận. Nhược điểm của mô hình này biểu hiện ở việc phân chia khu vực và phân chia chuyên ngành không rõ ràng, không thể tiêu chuẩn hóa các cơ cấu trong việc giải quyết các vấn đề phát sinh tại khu vực quản lý, điều này không có lợi cho việc phân bổ nguồn lực của doanh nghiệp và giảm tính cạnh tranh lành mạnh giữa các công ty con, không thể tăng lợi nhuận cho toàn bộ doanh nghiệp.

Các công ty xây dựng có tính chuyên nghiệp cao nhờ vào chuyên môn nghiệp vụ của từng bộ phận để thiết kế và áp dụng mô hình quản lý khu vực hóa cho phù hợp, để việc tiến hành được diễn ra dễ dàng và không gặp khó khăn cản trở trong quá trình thực thi dự án. Ví dụ thiết kế mô hình quản lý khu vực cho một doanh nghiệp xây dựng nào đó thay mặt tổng công ty quy định khu vực mà mỗi chi nhánh công ty nhận thầu công trình, dựa vào chi nhánh công ty phụ trách việc mở rộng thị trường và thi công công trình tại địa phương đó, chi nhánh công ty chưa được điều chỉnh thống nhất với tổng công ty, không thể nhận thầu các công trình trong khu vực không có quy định, đồng thời xây dựng các chi nhánh công ty có tính chuyên nghiệp để bổ sung, để các chi nhánh này phụ trách nhận thầu các công trình có tính chuyên nghiệp trong phạm vi cả nước. Ưu điểm của loại mô hình kinh doanh chỉ định khu vực này là tránh được sự cạnh tranh không lành mạnh giữa các công ty con trong cùng một thị trường, thông qua đó từng bước tăng cường, mở rộng và điều chỉnh theo điều kiện của từng công ty.

### **3. Nhân tố hạn chế việc quản lý khu vực hóa**

Từ hiện trạng quản lý khu vực hóa công ty

xây dựng trong nước có thể thấy rằng, nhân tố hạn chế việc quản lý khu vực hóa một mặt từ những nhân tố khách quan như khó khăn của nền kinh tế thị trường, chế độ pháp chế chưa được kiện toàn..., còn có nhân tố vi mô như tài nguyên khu vực không đáp ứng đủ nhu cầu phát triển của doanh nghiệp...

Một số thị trường xây dựng khu vực còn tồn tại hiện tượng không quy phạm. Hoạt động mời thầu, đấu thầu còn tồn tại các vấn đề như hoạt động không minh bạch, cạnh tranh giá cả không lành mạnh, trắng đen lẫn lộn, cục bộ địa phương... dẫn đến doanh nghiệp rất khó mở rộng thị trường và tham gia vào công tác xây dựng. Bên cạnh đó, nhiều tập đoàn công ty cho phép các công ty con, các chi nhánh công ty cạnh tranh cùng một hạng mục dự án. Trong điều kiện thị trường không phù hợp thì rất khó để tạo nên cục diện kinh doanh tốt mà chỉ dựa vào một chủ thể pháp nhân hay một cơ quan phi pháp nhân của một công ty xây dựng lớn tại khu vực nào đó.

Ý thức quản lý khu vực hóa của doanh nghiệp không cao. Các doanh nghiệp xây dựng lớn trong nước mà chủ thể là doanh nghiệp xây dựng quốc doanh còn tồn tại lối tư duy cũ, lạc hậu từ thể chế chính trị còn sót lại, bản thân khu vực đặt trụ sở thì mang nặng quan niệm truyền thống địa phương, vì thế để thay thế bằng tư duy quản lý mới là rất khó khăn.

Các nghiên cứu về những thiếu sót của mô hình quản lý khu vực hóa cho thấy: Mô hình quản lý khu vực hóa của quốc gia vẫn chưa hình thành được hệ thống lý luận và thực tiễn về quản lý khu vực hóa. Trong điều kiện không có sự hỗ trợ của lý luận, rất nhiều công ty xây dựng không có kế hoạch quản lý khu vực hóa lâu dài, bất kể là mô hình cân bằng khu vực hóa, mô hình hành chính doanh nghiệp, hay là mô hình kinh doanh theo khu vực chỉ định thì tất cả đều tồn tại ưu điểm và nhược điểm.

Cơ cấu doanh nghiệp không thể đáp ứng được yêu cầu quản lý khu vực hóa. Cơ chế



khuyến khích và kiểm soát, giám sát chưa đạt yêu cầu, dễ tạo nên việc “thả ra thì loạn, tóm lại thì chết”, khuyến khích không đủ dẫn đến không đủ động lực, kiểm soát không đủ mạnh dẫn đến mất cân bằng quản lý. Bất kể là kiểm soát quy trình đấu thầu hay là trao quyền quản lý trong nội bộ đều chưa đạt được hiệu quả về phương diện điều động nhân viên quản lý khu vực hóa.

#### **4. Phương pháp thúc đẩy quản lý khu vực hóa**

Muốn tiến hành mở cửa thị trường xây dựng, tạo nên thị trường cạnh tranh lành mạnh, cần áp dụng các biện pháp hiệu quả về thể chế, pháp luật, đảm bảo môi trường thị trường tốt.

Xây dựng thể chế hoàn thiện, tạo nên mô hình phát triển khu vực hóa mới. Đầu tiên yêu cầu các doanh nghiệp tự thân vận động, tạo nên lý luận, quan điểm về phát triển khu vực hóa, đồng thời tiến hành cải cách hiệu quả cho doanh nghiệp, đáp ứng được yêu cầu của phát triển kinh doanh của tập đoàn. Hoàn thiện chế độ quản lý doanh nghiệp hiện đại, lập nên hệ thống sử dụng lao động, nhân sự, phân công, tài chính, quản lý thị trường... có tính hoàn chỉnh cho từng khu vực, giúp cho doanh nghiệp thiết lập nên cơ chế khuyến khích, kiểm soát phù hợp với thị trường khu vực.

Làm mới phương thức hoạt động khu vực hóa, tăng cường năng lực tự cạnh tranh. Với những điều kiện hiện có, cần tiến hành tập trung nghiên cứu thị trường, đồng thời nghiên cứu kỹ nguồn lực của doanh nghiệp, bắt đầu từ

việc tìm hiểu cách thức tự tổ chức, thiết lập lý luận vận hành khu vực hóa, phân bổ tài nguyên một cách hợp lý. Hình thành móc xích công nghiệp hoàn chỉnh, áp dụng mô hình BT, BOT, EPC để bảo đảm việc phát triển doanh nghiệp trong quá trình quản lý khu vực hóa.

Thông qua việc làm thí điểm trước, sau đó mở rộng mô hình để thúc đẩy quản lý đô thị hóa một cách ổn định. Tại thị trường khu vực vẫn chưa quen thuộc, trước tiên cần thông qua quản lý một hạng mục thi công trong dự án lớn tại địa phương, từng bước làm thí điểm thiết lập cơ cấu quản lý khu vực, tránh trường hợp theo đuổi quy mô hóa một cách mù quáng. Sau khi đã thử nghiệm có kết quả ổn định và thông qua quá trình kiểm tra giám sát nghiêm chỉnh thì tiếp tục thúc đẩy công việc ở các thị trường khu vực đã hiểu rõ khác.

Doanh nghiệp thi công xây dựng Trung Quốc đã tích lũy được rất nhiều kinh nghiệm thành công trong quản lý khu vực hóa, nhưng vẫn còn tồn tại một số vấn đề chưa thỏa đáng, đặc biệt là trong tình hình thể chế kinh tế thị trường của Trung Quốc vẫn đang từng bước hoàn thiện, làm mới, và không ngừng nỗ lực tìm hiểu mô hình quản lý thi công các hạng mục công trình kiến trúc hiện đại mang bản sắc Trung Quốc.

**Vu Quyên**

*Nguồn: Tạp chí Xây dựng TQ,*

*số 20 năm 2012*

**ND: Quỳnh Anh**

## HỘI THẢO VIỆT – NHẬT LẦN THỨ 4 VỀ XÂY DỰNG

Hà Nội, ngày 07 tháng 3 năm 2013



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Trần Văn Sơn phát biểu tại Hội thảo



Ông Vũ Tiến Giao - Tổng giám đốc TCty LICOGI và ông Satoru Ogara - Phó Chủ tịch điều hành Cty Taisei ký biên bản ghi nhớ hợp tác trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực